



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU XUẤT BẢN SÁCH VÀ TẠP CHÍ
PGS.TS PHẠM SỸ LĂNG



Sổ tay điều trị



MỘT SỐ BỆNH PHỔ BIẾN Ở VẬT NUÔI



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU XUẤT BẢN SÁCH VÀ TẠP CHÍ
PGS. TS PHẠM SỸ LĂNG

Sổ tay điều trị một số bệnh phổ biến ở vật nuôi

(Sách dùng cho cán bộ thú y cơ sở và người chăn nuôi)

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG-XÃ HỘI

Lời giới thiệu

Thực hiện chủ trương của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, trong thời gian hai năm gần đây, nhiều tiến bộ mới về giống gia súc, thức ăn chăn nuôi, phòng trừ dịch hại bảo vệ vật nuôi đã được áp dụng rộng rãi trong ngành chăn nuôi nước ta. Do vậy, đàn gia súc và gia cầm đã tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, nước ta đã có 26,5 triệu con lợn; 8,3 triệu trâu bò và 253 triệu gia cầm. Mặc dù, nước ta cũng như 10 nước trong khu vực Đông Nam Á đã xảy ra đại dịch cúm, gây tổn thương nghiêm trọng cho đàn gia cầm (2003-2004).

Tuy vậy trong quá trình phát triển chăn nuôi hiện nay, dịch hại vẫn còn xảy ra rải rác quanh năm ở nhiều địa phương, không những làm ảnh hưởng đến chất lượng và năng suất chăn nuôi, gây nhiều thiệt hại về kinh tế mà còn gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

Để góp phần khắc phục tình hình trên, Trung tâm Nghiên cứu Xuất bản Sách và Tạp chí hợp tác với Nhà xuất bản Lao Động Xã Hội xuất bản cuối sách: *"Sổ tay thực hành điều trị một số bệnh phổ biến ở vật nuôi"* do PGS-TS Phạm Sỹ Lăng cùng hai cộng sự:

BS Bạch Quốc Thắng và ThS Trần Thanh Hải là những chuyên gia thú y biên soạn.

Chúng tôi tin rằng cuốn sách sẽ giúp cho độ ngũ thầy thuốc thú y địa phương và người chăn nuôi có thêm những hiểu biết và kinh nghiệm trong phòng trị những bệnh phổ biến ở vật nuôi nước ta, đặc biệt vùng trung du và miền núi.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc và hy vọng sẽ nhận được nhiều ý kiến bổ sung cho lần tái bản sau. Thông tin góp ý xin gửi về:

PGS.TS. Phạm Sỹ Lăng

Trung tâm nghiên cứu xuất bản sách và tạp chí

25A/66 Thái Thịnh 2, Đống Đa, Hà Nội

ĐT: 04. 5622. 324

PHẦN 1
BỆNH PHỔ BIẾN Ở GIA SÚC
BỆNH Ở TRÂU BÒ

1. BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG

Bệnh tụ huyết trùng là một bệnh truyền nhiễm ở trâu bò, có thể lây lan từ trâu bò bệnh sang trâu bò khỏe. Bệnh rất phổ biến ở các tỉnh miền núi và trung du nước ta.

Bệnh xảy ra rải rác quanh năm, nhưng thường phát sinh vào các tháng nóng ẩm, mưa nhiều-từ tháng 6 đến tháng 9 hàng năm, gây nhiều thiệt hại cho đàn trâu bò của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Nguyên nhân

Bệnh do vi khuẩn tụ huyết trùng gây ra. Đây là vi khuẩn rất nhỏ bé không thể quan sát bằng mắt thường. Bình thường, vi khuẩn cư trú ở hạch hầu của một số trâu bò khỏe. Khi thời tiết thay đổi, thức ăn thiếu, sức chống đỡ với bệnh của trâu bò giảm thấp và bệnh phát sinh làm trâu bò chết rất nhanh.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh của trâu bò: từ 1-3 ngày, nghĩa là từ lúc vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể trâu bò cho đến khi trâu bò có các triệu chứng bệnh đầu tiên.

Trâu, bò bệnh thể hiện: sốt cao 41°C - 42°C , mũi khô, mắt đỏ và chảy nước, ăn kém hoặc bỏ ăn, thở mạnh và thở rất khó do hầu bị

sưng to, khi thở lưỡi thè ra ngoài, chảy nhiều rãi. Trâu bò bị bệnh đi lại rất khó khăn vì hạch trước vai và trước đùi sưng to.

Bệnh diễn biến rất nhanh và nặng. Trâu bò thường bị chết sau 1-4 ngày và khả năng chết là rất lớn nếu không được phát hiện và điều trị sớm.

Bệnh tích

Mổ khám súc vật chết thấy lách, gan, phổi, thận sưng tụ máu đỏ sẫm, bao tim có nước vàng.

Cách lây lan

Bệnh lây lan theo 2 cách sau:

- Do trâu bò khoẻ ăn phải vi khuẩn có trong thức ăn và nước uống.
- Do trâu bò khoẻ hít thở không khí có vi khuẩn.

Trâu bò ở các lứa tuổi đều có thể bị bệnh và chết. Bệnh tụ huyết trùng trâu bò có thể lây sang lợn.

Phát hiện bệnh

Khi thấy trâu bò đột ngột có triệu chứng sốt cao, khó thở, nghi bị bệnh tụ huyết trùng thì gia đình nuôi trâu bò phải báo ngay cho cán bộ thú y xã hoặc huyện đến khám và điều trị kịp thời.

Điều trị

Dùng 1 trong 2 loại kháng sinh đặc biệt hiệu quả sau:

- Kanamycin theo liều: 1 lọ thuốc 1 gam cho 30kg trọng lượng trâu bò. Liều thuốc chia 2-3 lần tiêm bắp trong ngày. Dùng liên tục 4-5 ngày.
- Streptomycin theo liều: 1 lọ thuốc 1gam cho 30kg trọng lượng

trâu bò. Liều thuốc chia 2-3 lần tiêm bắp trong ngày. Dùng thuốc liên tục 4-5 ngày.

- Cần tiêm thuốc trợ sức cho trâu bò: vitamin B1, vitamin C và cafêin.

Phòng bệnh

Trâu bò chết phải chôn vào hố sâu có đổ vôi bột, không mổ thịt trâu bò chết.

Tiêm vacxin phòng bệnh cho đàn trâu bò khoẻ theo định kỳ 6 tháng một lần theo các đợt tiêm phòng do trạm thú y huyện tổ chức.

Thực hiện các biện pháp vệ sinh thú ý: làm chuồng trại riêng cho trâu bò, giữ chuồng trại sạch sẽ, thoáng mát trong mùa hè, kín ấm trong mùa đông, ủ phân để diệt vi khuẩn gây bệnh.

2. BỆNH NHIỆT THÁN TRÂU BÒ

Bệnh nhiệt thán còn gọi là “bệnh than” vì súc vật bệnh có lách và một số phủ tạng khác bị đen như than, máu cũng đen và không đông. Đây là một bệnh truyền nhiễm cấp tính chung cho nhiều loài gia súc (trâu, bò, ngựa, dê, lợn,...) và thú hoang (hươu, nai, lợn rừng, bò rừng,...) đặc biệt có thể lây sang người. Bệnh có ở hầu hết các nước nhiệt đới châu Á, châu Phi.

Ở nước ta, bệnh đã thấy ở tất cả các tỉnh từ Bắc đến Nam. Các ổ dịch nhiệt thán thỉnh thoảng lại tái phát ở các tỉnh miền núi phía Bắc, vùng biên giới phía Tây và Tây Nam vào các mùa nóng ẩm, mưa nhiều từ tháng 7 đến tháng 9, gây nhiều thiệt hại cho đàn trâu bò.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do trực khuẩn nhiệt thán. Ở môi trường tự nhiên, vi khuẩn có thể hình thành nha bào, có sức đề kháng cao, có thể tồn tại 15-20 năm trong đất vẫn còn khả năng gây bệnh cho gia súc và người.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh ở trâu bò từ 1-3 ngày.

Trâu bò bệnh thường ở thể cấp tính, biểu hiện: sốt cao 41-42°C, li bì, bỏ ăn, nằm bệt một chỗ, nước mắt chảy liên tục, mắt đỏ ngầu, thở nhanh, thở mạnh và thở rất khó, hạch hầu, hạch trước vai, trước đùi sưng thũng, bụng chướng, đặc biệt, lòi dom và có máu màu nâu đen chảy ra từ hậu môn, một số trâu bò bệnh còn có các u lở loét trên mặt da. Trâu bò bệnh chết rất nhanh, sau 2-3 ngày kể từ khi có triệu chứng đầu tiên. Tỷ lệ chết của trâu bò bệnh là 100%.

Bệnh tích

Lưỡi thè ra, miệng rỉ máu, lòi dom, hậu môn chảy máu nâu đen, lách sưng to gấp 3 lần, đen sẫm và nát như bùn (nếu mổ khám), máu nâu đen, sánh như dầu và không đông.

Cách lây lan

Bệnh lây truyền do trâu bò ăn phải vi khuẩn hoặc nha bào nhiệt thán ở môi trường tự nhiên và phát sinh bệnh.

Trâu bò bệnh có thể lây truyền bệnh sang ngựa, lợn, dê, cừu,... và cả người.

Phát hiện bệnh

Các dấu hiệu ở trâu, bò bệnh giúp cho việc đoán bệnh: miệng và hậu môn rỉ máu nâu đen, máu không đông.

Các phòng chẩn đoán thú y tỉnh giúp các địa phương xét nghiệm bệnh phẩm tìm trực khuẩn nhiệt thán.

Điều trị

Điều trị bệnh chỉ có hiệu lực cao khi bệnh ở giai đoạn đầu bằng một trong các kháng sinh sau đây:

- Pênicillin: dùng liều 50.000-80.000 đơn vị/kg thể trọng, chia thuốc làm 3-4 lần tiêm trong ngày.
- Có thể thay thế Pênicillin bằng Ampicillin: liều 50-80 mg/kg thể trọng, chia thuốc làm 3-4 lần tiêm trong ngày, thuốc tiêm bắp.
- Sử dụng thuốc trợ tim mạch và trợ sức: tiêm vitamin B1, vitamin C, cafein và truyền huyết thanh mận đắng trương (9‰). Huyết thanh ngọt (5%), từ 1.000-2.000 ml/100kg thể trọng trâu bò/ngày.
- Chăm sóc: phải cách ly và chăm sóc tốt trâu bò bệnh.

Phòng bệnh

Tổ chức tiêm vacxin phòng bệnh nhiệt thán cho trâu bò theo định kỳ: 1-2 lần trong năm tại các vùng có các ổ dịch cũ.

- Phát hiện sớm trâu bò bệnh, cách ly và điều trị kịp thời.
- Hạn chế chăn trâu bò tại các cánh đồng có chôn trâu bò bị bệnh nhiệt thán trước đó trong mùa mưa lũ.
- Trâu bò chết nghi bị bệnh nhiệt thán cấm không được mổ và phải chôn sâu có đổ thuốc sát trùng (vôi bột).

3. BỆNH LỞ MỒM LONG MÓNG TRÂU BÒ

Bệnh lở mồm long móng là một bệnh truyền nhiễm lây lan rất nhanh gây ra do siêu vi trùng, là bệnh chung cho nhiều loài gia súc: trâu, bò, dê, cừu, lợn, có thể lây sang người. Gọi là bệnh lở mồm long móng vì súc vật bị bệnh thường có những đám mụn lở loét ở miệng và chân móng, có thể làm long móng chân súc vật bệnh.

Ở nước ta, hàng năm bệnh xảy ra lác đác ở các tỉnh miền núi biên giới phía Bắc, biên giới Việt-Lào và Việt-Miên, gây nhiều tổn thất cho đàn trâu bò.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do siêu vi trùng lở mồm long móng, có thể lây từ trâu, bò, dê, cừu sang lợn và ngược lại. Đôi khi siêu vi trùng cũng từ súc vật lây sang người.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh: từ 2-7 ngày.

- Trâu, bò bệnh thể hiện: sốt cao 41°C - 42°C trong 2-3 ngày, chảy nước mắt, nước rãi chảy liên tục trắng như bột xà phòng ở miệng, trên mặt lưỡi và trong miệng mọc các đám mụn đỏ, sau trắng, mọng nước và vỡ loét, để lại các vết sẹo đỏ, xám, vàng làm cho trâu bò đau đớn khó ăn uống. Ở quanh móng chân trâu bò cũng mọc mụn loét như ở miệng, có thể bị nhiễm trùng và bong móng chân, làm cho trâu bò đi lại khó khăn hoặc nằm một chỗ. Một số trường hợp bệnh nặng còn thấy trâu bò ỉa chảy ra máu và chết.

- Súc vật cái có thai bị bệnh thường xảy thai.

Bệnh tích

Ở miệng và quanh móng chân có những đám mụn nước vỡ loét thành sẹo nhiều màu sắc.

Cách lây lan

Bệnh lây theo 2 cách:

- Qua đường hô hấp: do trâu bò hít thở không khí có siêu vi trùng lơ lửng trong không khí.

- Trâu bò ăn uống phải siêu vi trùng trong thức ăn và nước uống. Siêu vi trùng xâm nhập vào niêm mạc miệng trâu bò, ở các lứa tuổi đều bị bệnh. Bê nghé non bị bệnh nặng hơn trâu bò trưởng thành.

Phát hiện bệnh

Trâu bò sốt cao, miệng và móng chân có các đám mụn loét.

Điều trị

Hiện không có thuốc điều trị bệnh. Tuy nhiên, bà con nông dân có kinh nghiệm dùng các loại thuốc sát trùng: xanh mêtilen, dung dịch Iôđin và lá chát (nước lá ổi) bôi vào các vết loét ở miệng và chân móng, nuôi dưỡng chăm sóc tốt trâu bò bệnh, sau 10-12 ngày trâu bò có thể khỏi bệnh, Nhưng trâu bò này vẫn thải siêu trùng vào môi trường từ 2-5 tháng sau khi khỏi bệnh.

Phòng bệnh

Phát hiện sớm trâu, bò, dê, lợn,... ốm để cách ly theo dõi điều trị hoặc xử lý, hạn chế lây lan dịch ra đàn gia súc khỏe.

Trâu, bò, dê, lợn,... chết phải đốt xác hoặc chôn trong hố sâu có vôi bột. Khi có dịch xảy ra phải phun thuốc sát trùng vào

chuồng và môi trường sống của trâu bò, phun 1-2 lần trong tuần (Hạn Iodin 5⁰/₀₀, virkon 5⁰/₀₀).

Tổ chức tiêm vaccin phòng bệnh lở mồm long móng cho đàn trâu bò và lợn ở các ổ dịch cũ, theo định kỳ 6 tháng một lần. Vaccin phải tiêm 2 lần, lần 1 cách lần 2 khoảng 17-20 ngày. Hiện có 2 loại vaccin: vaccin phòng bệnh riêng cho lợn, vaccin phòng bệnh cho cả trâu bò và lợn.

4. BỆNH TIÊN MAO TRÙNG TRÂU BÒ

Bệnh Tiên mao trùng là bệnh ký sinh trùng đường máu ở trâu bò gây ra do Tiên mao trùng, còn gọi là “bệnh ngã nước trâu bò”, vì trâu bò từ miền núi và trung du chuyển về vùng đồng bằng sau 1-2 năm, phát sinh bệnh, gây yếu dần, thiếu máu và chết. Bệnh truyền lây do các loài ruồi và mòng hút máu. Bệnh xảy ra ở hầu hết các tỉnh nhưng phổ biến ở miền núi và trung du, hàng năm gây nhiều thiệt hại cho chăn nuôi trâu bò nước ta.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do loài Tiên mao trùng sống ký sinh trong huyết tương của trâu bò, di động được trong máu, hút các chất dinh dưỡng từ máu và tiết độc tố vào máu làm cho trâu bò suy yếu, thiếu máu, kiệt sức dần và chết.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh: từ 15-20 ngày.

Trâu bò bệnh thể hiện: sốt cao (40°C-41,7°C), gián đoạn (lúc sốt, hết sốt, rồi lại sốt), khi sốt cao, mắt đỏ có đờ trắng, chảy nước mắt, nước mũi, bê nghé có các biểu hiện thần kinh như: run rẩy,

đi lại xiêu vẹo, thở khó khăn, thiếu máu và suy yếu dần trong quá trình bệnh. Trâu bò non thường bị bệnh cấp tính có thể chết sau 7-10 ngày. Trâu bò trưởng thành bị bệnh mãn tính kéo dài từ 2 tháng đến 1 năm có thuỷ thũng dưới da ngực, bụng, bộ phận sinh dục, liệt chân sau và chết do kiệt sức. Trâu, bò cái mang thai nhiễm tiên mao trùng thường bị sẩy thai.

Bệnh tích

Tim nhão, có chấm tụ máu lấm tấm đỏ trên cơ tim. Thịt nhợt nhạt, có nhiều nước. Lá lách sưng thũng, nhạt màu.

Cách lây lan

Các loài mòng và ruồi hút máu đóng vai trò môi giới truyền mầm bệnh. Chúng hút máu trâu bò bệnh rồi lại hút máu trâu bò khoẻ và truyền mầm bệnh sang trâu bò khoẻ.

Bệnh lây truyền trong mùa hè và mùa thu khi ruồi mòng hoạt động mạnh. Đến vụ đông xuân, thời tiết lạnh, thức ăn thiếu, sức khoẻ của trâu bò giảm sút và bệnh phát sinh làm chết trâu bò.

Bệnh có thể lây từ trâu, bò sang ngựa, hươu, nai và ngược lại.

Phát hiện bệnh

Trâu bò thường bị sốt cao và cách quăng, thiếu máu, suy nhược kéo dài.

Trâu bò cái chữa có hiện tượng sẩy thai.

Điều trị

Sử dụng 1 trong 2 hoá dược sau:

- Azidin: (Berenil, Sangavet, Veriben), bột vàng mịn, dùng

neu 3,5-5 mg/kg thể trọng trâu bò. Thuốc pha với nước cất theo tỷ lệ 10%, tiêm vào tĩnh mạch hoặc vào bắp thịt cho trâu bò. Trước khi tiêm tĩnh mạch cần tiêm cafêin hoặc long não nước trợ tim mạch.

Tiêm các loại vitamin B1; vitamin C, vitamin B12 trợ sức cho trâu bò.

Nuôi dưỡng chăm sóc tốt trâu bò và cho nghỉ cày kéo trong thời gian điều trị.

Chú ý: Nếu sau 10-12 ngày, trâu bò bệnh chưa hết các dấu hiệu lâm sàng thì phải tiêm liều thuốc thứ 2 giống như liều đầu.

- Trypamidum: bột màu nâu mịn, dùng liều: 1 mg/kg thể trọng, liều thuốc pha với 2ml nước cất. Tiêm thuốc vào bắp thịt hoặc tĩnh mạch cho trâu bò. Trước khi tiêm thuốc này cần tiêm cafêin trợ tim cho trâu bò. Thuốc trợ sức và chế độ nuôi trâu bò bệnh tương tự như khi dùng Azidin.

Phòng bệnh

Phát hiện sớm trâu bò bệnh và điều trị kịp thời.

Hạn chế ruồi mòng hút máu và truyền bệnh bằng cách: chuồng trâu bò cần có mái che, phát quang cây bụi quanh chuồng.

Thực hiện chế độ cày kéo hợp lý.

Nuôi dưỡng chăm sóc tốt để nâng cao sức khỏe cho trâu bò.

5. BỆNH SÁN LÁ GAN TRÂU BÒ

Bệnh sán lá gan là một bệnh rất phổ biến ở trâu bò, phân bố rộng ở khắp các vùng sinh thái nước ta và các nước Đông Nam Á.

Bệnh da gây nhiều tác hại đến sức khỏe đàn trâu bò như: lam vỡ gan, viêm túi mật, giảm năng suất thịt sữa và mất dần khả năng cày kéo,... gây thiệt hại kinh tế cho người chăn nuôi.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do sán lá ký sinh trong ống dẫn mật của gan và túi mật. Sán trưởng thành có màu hồng, dài khoảng 3-7cm có thể có từ vài chục đến vài trăm sán lá ký sinh trong gan, mật của một trâu bò.

Sán trưởng thành đẻ trứng trong túi mật và ống dẫn mật, trứng theo nước mật xuống ruột, rồi theo phân ra ngoài, gặp các điều kiện thuận lợi (nhiệt độ 15-30°C, có nước) nở thành mao ấu. Mao ấu chui vào ốc ký chủ trung gian phát triển thành vĩ ấu. Vĩ ấu ra khỏi ốc, rụng đuôi thành kén. Giai đoạn này kéo dài khoảng 90-102 ngày ở ngoài tự nhiên. Kén trôi nổi trong nước, bám vào cây cỏ thủy sinh. Trâu bò ăn cỏ thủy sinh hoặc uống nước có kén, kén vào cơ thể phát triển thành ấu trùng ở ruột, rồi theo ống dẫn mật về gan và phát triển thành sán trưởng thành thời gian kéo dài khoảng 90-115 ngày.

Triệu chứng

Sán gây ra 3 tác hại:

- Di chuyển trong ống mật và gan, gây viêm xơ tổ chức này.
- Sán ăn hồng cầu và lấy chất dinh dưỡng từ gan mật làm trâu bò gầy yếu, thiếu máu, giảm sức lao tác.
- Sán tiết độc tố gây viêm ruột kéo dài.

Trâu bò bệnh thể hiện: ỉa chảy dai dẳng từng đợt dẫn đến gây yếu, giảm tăng trọng và mất dần khả năng cày kéo. Nếu ỉa chảy nặng, trâu bò có thể chết do kiệt sức.

Bệnh tích

Mổ khám trâu bò bệnh, thấy gan, ống dẫn mật và túi mật bị xơ hoá và có sán lá trong ống dẫn mật và gan.

Phát hiện bệnh

Kiểm tra phân dưới kính hiển vi để tìm trứng sán.

Mổ khám trâu bò bệnh tìm sán trong gan và túi mật.

Điều trị

Điều trị bằng 1 trong 2 hoá dược sau:

- Handertil B: (Fasinex) dùng liều 10 mg/kg thể trọng. Cho uống trực tiếp hoặc trộn với thức ăn.

- Tolzan F: (Oxyclozanide) dùng liều 10 mg/kg thể trọng. Cho uống trực tiếp hoặc trộn với thức ăn.

Phòng bệnh

Định kỳ lấy mẫu phân đưa đến trạm thú y Huyện hoặc Chi cục thú y để kiểm tra phát hiện trâu bò nhiễm sán để tẩy trừ.

Ủ phân diệt trứng sán.

Nuôi vịt, thả cá để diệt ốc ký chủ trung gian truyền bệnh.

6. BỆNH GIUN ĐƯA BÊ NGHÉ

Bệnh giun đũa bê nghé phân bố rộng từ các tỉnh miền núi, trung du đến các tỉnh đồng bằng. Nhưng bê nghé ở miền núi bị

nhễm giun với tỷ lệ cao và chết nhiều vào các vụ Đông xuân hàng năm. Bê nghé bị bệnh với dấu hiệu lâm sàng đặc trưng: ỉa lỏng, phân trắng, có mùi tanh khắm.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do giun đũa ký sinh ở ruột non của bê nghé.

Giun trưởng thành đẻ trứng trong ruột trâu bò, trứng theo phân ra ngoài, gặp điều kiện thích hợp (nhiệt độ 15-30°C, ẩm ướt) phát triển thành ấu trùng trong trứng, gọi là trứng cảm nhiễm. Trâu bò nuốt phải trứng cảm nhiễm từ thức ăn, nước uống. Trứng vào ruột nở ra ấu trùng, ấu trùng qua niêm mạc ruột vào máu, di hành lên phổi. Do trâu bò ho, ấu trùng theo đờm rãi lên miệng, trâu bò nuốt về ruột. Ở ruột, ấu trùng phát triển thành giun đũa trưởng thành, mất khoảng 43 ngày. Trâu bò cái mang thai khi nhiễm giun đũa, ấu trùng giun đũa sẽ di hành trong máu vào bào thai, gây nhiễm cho bào thai.

Triệu chứng

Bê nghé bị bệnh thể hiện: ỉa lỏng, phân trắng ngà hoặc trắng xám, có mùi tanh khắm. Mỗi lần đi ỉa, bê nghé tỏ ra đau đớn, cong đuôi lên rặn. Trường hợp bê nghé nhiễm giun nặng, giun có thể cuộn lại từng búi, gây tắc ruột, làm chết bê nghé.

Bệnh tiến triển từ 10-30 ngày. Bê nghé thường chết sau 7-16 ngày kể từ khi có dấu hiệu lâm sàng trong tình trạng gầy xơ xác, lông rụng, mất nước và kiệt sức.

Trâu bò trưởng thành bị nhiễm giun đũa không biểu hiện triệu chứng rõ ràng như bê nghé.

Bệnh tích

Mổ khám bê nghé bệnh, thấy ruột bị viêm, chứa đầy sữa không tiêu, mùi tanh khẳn và có nhiều giun đũa.

Cách lây lan

Bệnh giun đũa bê nghé lây nhiễm qua hai đường:

- Qua đường tiêu hoá do bê nghé ăn phải trứng giun đũa cảm nhiễm.

- Ấu trùng từ máu trâu bò mang thai xâm nhập vào bào thai. Bệnh giun đũa thường chỉ gặp nhiều ở bê nghé từ 1-3 tháng tuổi, bị bệnh nặng và chết nhiều khoảng 30-35% số bê nghé bệnh.

Phát hiện bệnh

Kiểm tra phân dưới kính hiển vi để tìm trứng giun.

Quan sát các triệu chứng lâm sàng đặc trưng ở bê nghé: ỉa lỏng, phân trắng, có mùi tanh khẳn.

Điều trị

Điều trị bằng một trong các hoá dược sau:

- Piperazin: dùng liều 0,3-0,5 gam/kg thể trọng. Thuốc cho uống trực tiếp hoặc trộn với thức ăn.

- Levamisol: dùng liều 15-20 mg/kg thể trọng cho uống hoặc 10-15 mg/kg trọng dùng tiêm.

- Mebenvet: (có 10% Mebendazol) dùng liều 0,5 gam/kg thể trọng cho uống.

- Ivermectin: (Hanmectin) dùng liều 0,2 mg/kg thể trọng, tiêm cho bê nghé.

Phòng bệnh

Tẩy dọ phòng cho bê nghé 2 lần: lần 1 lúc bê nghé 15 ngày tuổi, lần 2 lúc bê nghé 40 ngày tuổi bằng 1 trong 4 hoá dược trên.

Ủ phân diệt trứng giun.

Thực hiện tốt vệ sinh chuồng trại, chống ô nhiễm môi trường.

BỆNH Ở NGỰA

1. BỆNH VIÊM PHỔI Ở NGỰA

Bệnh viêm phổi là một bệnh truyền nhiễm ở ngựa gây ra do vi khuẩn. Bệnh vẫn xảy ra lẻ tẻ quanh năm ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta. Đặc biệt, bệnh phát sinh thành dịch khi thời tiết chuyển vụ từ cuối mùa thu mát mẻ sang mùa đông lạnh ẩm ở các tỉnh Tây Bắc và Đông Bắc nước ta, làm thiệt hại nhiều ngựa của đồng bào các dân tộc.

Nguyên nhân

Nguyên nhân gây bệnh là vi khuẩn viêm phổi. Một số ngựa khoẻ mang vi khuẩn này, nhưng vẫn không có dấu hiệu về bệnh, khi được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Mùa đông lạnh ẩm, thức ăn thiếu, sức khoẻ của ngựa giảm sút và vi khuẩn có sẵn trong đường hô hấp của ngựa bắt đầu gây viêm phổi cho ngựa.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh của ngựa: từ 6-12 ngày, cũng có thể kéo dài 1 tháng.

Ngựa bệnh thể hiện: sốt cao giai đoạn đầu từ 39°C-41,5°C, chảy nước mắt, ăn kém, thở khó tăng dần, dịch mũi chảy nhiều, lúc đầu loãng sau đặc dần và có mủ, ho khạc nhiều vào ban đêm và sáng sớm, đặc biệt là khi làm việc nhiều ngoài trời.

Trường hợp bị bệnh nặng, ngựa chết sau 2-3 tuần.

Phần lớn bệnh chuyển thành thể mãn tính kéo dài, làm cho ngựa gầy yếu, mất dần khả năng làm việc và sinh sản, cuối cùng sẽ chết do suy hô hấp và kiệt sức.

Bệnh tích

Mổ khám ngựa bệnh, thấy phế quản tụ mủ và có dịch mủ, phổi bị viêm từng mảng, cứng lại, đỏ sẫm, cắt ra có các ổ mủ hoặc bã đậu.

Cách lây lan

Bệnh lây truyền qua đường hô hấp do ngựa hít thở không khí có vi khuẩn.

Phát hiện bệnh

Các biểu hiện thở khó và ho tăng dần, có dịch mủ chảy ra từ mũi, ngựa bị gầy yếu dần,... là những căn cứ để phát hiện ngựa bị bệnh.

Điều trị

Thuốc điều trị: phối hợp 2 loại kháng sinh Kanamycin dùng liều 30 mg/kg thể trọng ngựa và Tiamulin với liều 01ml cho 10kg thể trọng ngựa. Dùng thuốc liên tục 6-7 ngày. Sau đó nghỉ, nếu ngựa còn ho và thở khó thì sau 6 ngày lại dùng thuốc đợt hai cũng như đợt đầu.

Dùng thuốc làm giảm các cơn ho và khó thở: tiêm Êphêdrin cho ngựa với liều 5-8 ml/ngày (mỗi ống thuốc có 1ml).

Dùng thuốc trợ sức: tiêm cafêin hoặc long não nước, vitamin C, vitamin B1, truyền dung dịch sinh lý mặn (9‰) và sinh lý ngọt (5‰) theo liều 1.000 ml/kg thể trọng ngựa/ngày.

Cải thiện điều kiện sống cho ngựa: che kín ấm chuồng ngựa khi thời tiết lạnh, nuôi dưỡng và chăm sóc tốt ngựa bệnh, thực hiện vệ sinh chuồng trại.

Phòng bệnh

Phát hiện sớm ngựa bệnh, cách ly, điều trị kịp thời cho đến khi khỏi bệnh.

Đảm bảo chuồng ngựa kín ấm vào mùa đông và thoáng mát vào mùa hè.

Nuôi dưỡng, chăm sóc tốt ngựa để nâng cao sức đề kháng với bệnh.

2. BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG NGỰA

Đặc điểm chung

Bệnh tụ huyết trùng ngựa là một bệnh truyền nhiễm thường từ trâu bò lây sang ngựa mà nguyên nhân gây bệnh là vi khuẩn tụ huyết trùng, xảy ra ở các tỉnh miền núi và trung du phía Bắc vào các tháng nóng ẩm từ mùa hè đến mùa thu.

Bệnh tiến triển nhanh và nặng, làm cho ngựa chết với tỷ lệ cao.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do vi khuẩn tụ huyết trùng và cũng gây bệnh tụ huyết trùng cho trâu, bò, lợn.

Vi khuẩn tồn tại trong môi trường tự nhiên từ 1-4 tuần lễ, từ môi trường tự nhiên lây nhiễm sang ngựa qua thức ăn và nước uống.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh: từ 2-4 ngày.

Ngựa bệnh thể hiện các triệu chứng sau: sốt cao từ 40°C-42°C liên tục trong 2-3 ngày, chảy nước mắt, nước mũi liên tục, hầu bị

sưng, thở nhanh và thở khó tăng dần, ăn ít hoặc bỏ ăn, đầu cúi thấp và mắt đỏ ngầu, lơ lơ. Các trường hợp bệnh nặng, ngựa nằm bệt, không đứng dậy được.

Ngựa có thể bị chết sau 2-6 ngày, nếu không được phát hiện sớm để điều trị. Có trường hợp ngựa bị chết đột ngột mà không thể hiện các triệu chứng của bệnh chỉ sau 1 ngày.

Bệnh tích

Mổ khám ngựa chết, thấy các phủ tạng như: phổi, gan, lá lách, thận, các hạch lâm ba đều bị sưng và tụ máu đỏ sẫm. Đặc biệt màng bao tim có dịch vàng.

Cách lây lan

Bệnh lây lan chủ yếu qua đường tiêu hoá do ngựa nuốt phải vi khuẩn có trong thức ăn và nước uống. Ngựa cũng có thể bị lây bệnh khi nhốt chung chuồng với trâu bò hoặc ngựa bị bệnh tụ huyết trùng.

Bệnh thường lây nhiễm từ trâu bò bệnh sang ngựa.

Phát hiện bệnh

Các dấu hiệu lâm sàng giúp cho việc phát hiện bệnh như: đột ngột sốt cao, khó thở, hầu bị sưng to, chết nhanh, Mổ khám ngựa chết: các phủ tạng đều sưng và tụ máu đỏ.

Phòng chẩn đoán thú y tỉnh sẽ giúp cho các địa phương xác định vi khuẩn gây bệnh viêm phổi, nếu địa phương báo cáo và gửi bệnh phẩm đến.

Điều trị

Thuốc điều trị: dùng phối hợp Streptomycin theo liều 30 mg/kg

thể trọng ngựa và Ampicillin với liều 30 mg/kg thể trọng. Thuốc dùng tiêm 2-3 lần/ngày (liều trên) và dùng liên tục 4-5 ngày.

Thuốc trợ sức: tiêm cafêin, vitamin B1, vitamin C. Nếu ngựa kém ăn hoặc bỏ ăn cần truyền tĩnh mạch: nước sinh lý 9⁰/₁₀₀ và nước đường 5%, theo liều: 1.000ml / 100kg thể trọng ngựa/ngày.

Chăm sóc ngựa ốm: cách ly ngựa bệnh để điều trị, thực hiện vệ sinh chuồng trại, nuôi dưỡng tốt ngựa bệnh.

Phòng bệnh

Tổ chức tiêm vaccin phòng bệnh tụ huyết trùng cho ngựa theo định kỳ 6 tháng/lần tại các địa phương có bệnh tụ huyết trùng ở trâu bò.

Giữ gìn chuồng ngựa luôn khô sạch, thoáng mát mùa hè, kín ấm mùa đông.

Ủ phân ngựa để tiêu diệt vi khuẩn tụ huyết trùng và các vi khuẩn gây bệnh khác.

Biện pháp phòng bệnh cũng tương tự như phòng bệnh tụ huyết trùng ở trâu, bò.

Ngựa ở các lứa tuổi đều bị bệnh viêm phổi. Nhưng ngựa non dưới một năm tuổi thường bị bệnh nặng và chết nhiều hơn.

3. BỆNH TIÊN MAO TRÙNG NGỰA

Bệnh tiên mao trùng là một bệnh ký sinh trùng đường máu thường gặp ở ngựa các tỉnh miền núi và trung du nước ta. Nguyên nhân gây bệnh cũng là loài tiên mao trùng gây bệnh cho trâu bò.

Bệnh tiên mao trùng ở ngựa nặng hơn ở trâu bò và tỷ lệ ngựa bệnh bị chết cũng cao hơn.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do loài Tiên mao trùng sống ở trong máu của ngựa gây ra. Loài này có thể từ trâu bò lây nhiễm sang ngựa và cũng từ ngựa lây nhiễm sang trâu bò.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh của ngựa từ 10-15 ngày.

Ngựa bệnh có các triệu chứng sau: sốt cao (40-41,5°C) và cách quãng. khi sốt đầu cúi thấp, mắt lơ lơ, chảy nhiều dịch mũi và nước mắt, ăn kém, nước tiểu ít và có màu vàng. Ngựa non dưới 6 tháng tuổi còn thể hiện hội chứng thần kinh: kêu rống và lồng lộn. Ngựa bệnh gầy yếu, thiếu máu và giảm dần hoặc mất khả năng làm việc. Hiện tượng phù thũng xuất hiện ở ngực, bụng, bìu dái và chân sau của ngựa. Giai đoạn cuối của bệnh, ngựa thường liệt chân và chết do kiệt sức.

Ngựa bị bệnh nặng tiến triển nhanh chết sau 15-30 ngày kể từ khi có triệu chứng đầu tiên.

Thể bệnh nhẹ kéo dài, ngựa cũng bị chết sau khoảng tháng rưỡi đến 2 tháng do suy hô hấp và kiệt sức.

Bệnh tích

Mổ khám ngựa chết, thấy cơ tim có tụ máu, có chất keo vàng trong các ổ phù thũng, thịt màu nhợt, có nhiều nước.

Cách lây lan

Cũng như bệnh tiên mao trùng trâu bò đã trình bày ở phần bệnh của trâu bò, tiên mao trùng được truyền từ ngựa ốm sang ngựa khỏe qua các loài mòng và ruồi hút máu. Chúng hút máu súc

vật ốm, trên vòi hút có mang tiên mao trùng, rồi lại hút máu súc vật khoẻ và truyền tiên mao trùng sang súc vật khoẻ.

Phát hiện bệnh

Theo dõi và quan sát các triệu chứng ở ngựa bệnh: sốt cao và cách quãng, gầy yếu, thiếu máu, phù thũng và mất dần khả năng làm việc.

Lấy máu ngựa gửi đến Chi cục thú y để tìm tiên mao trùng trong máu.

Điều trị

Điều trị bằng một trong 2 hoá dược:

- Azidin: dùng liều 3,5-5mg/kg thể trọng. Bình thường ngựa có trọng lượng 250kg dùng 01 lọ thuốc 1,18 gam (bán sẵn). Thuốc pha theo tỷ lệ 10% tiêm vào tĩnh mạch hoặc bắp thịt cho ngựa. Trước khi tiêm thuốc điều trị phải tiêm cafêin và vitamin B1 trợ tim cho ngựa. Sau 12 ngày ngựa chưa khỏi bệnh (còn triệu chứng bệnh) phải tiêm liều thuốc thứ hai cho ngựa cũng như liều đầu.

- Trypamidium: dùng liều 1 mg/kg thể trọng ngựa. Thuốc đóng gói giấy thiếc: 300 mg/gói. Mỗi liều thuốc pha với 20ml nước cất, tiêm dung dịch thuốc vào tĩnh mạch hoặc bắp thịt. Trước khi tiêm thuốc điều trị phải tiêm thuốc trợ tim mạch bằng cafêin và vitamin B1. Trong thời gian điều trị, cho ngựa nghỉ làm việc đồng thời chăm sóc và nuôi dưỡng tốt.

Phòng bệnh

Phát hiện sớm ngựa bệnh điều trị kịp thời.

Hạn chế ruồi và mòng hút máu và truyền bệnh cho ngựa bằng cách làm chuồng có màn che.

Chăm sóc và nuôi dưỡng ngựa với khẩu phần ăn đầy đủ để đảm bảo sức khoẻ cho ngựa.

4. BỆNH ĐAU BỤNG NGỰA

Bệnh thường xảy ra ở ngựa với triệu chứng điển hình: ngựa nằm lăn lộn, giãy giụa và kêu rống trên mặt đất. Nếu không điều trị kịp thời, ngựa bệnh sẽ chết rất nhanh.

Nguyên nhân

Có 3 nguyên nhân chính gây bệnh đau bụng ngựa:

- Thức ăn và nước uống của ngựa có vi khuẩn thương hàn, vi khuẩn đại tràng có độc lực mạnh gây viêm ruột và manh tràng ngựa.

- Thức ăn và nước uống của ngựa có chất độc: thuốc trừ sâu bệnh cho cây trồng, thuốc diệt chuột, các chất thải công nghiệp từ các nhà máy.

- Ngựa bị nhiễm một số loài giun tròn rất nhỏ ở đường ruột, đặc biệt là ở manh tràng, ấu trùng của giun trong quá trình di chuyển gây tổn thương tổ chức ruột, manh tràng và ruột già, tạo ra các u máu. Các u máu lớn dần gây trở ngại cho di chuyển thức ăn trong ruột.

Các nguyên nhân trên đều có thể gây ra các cơn co thắt ruột và manh tràng làm phát sinh bệnh đau bụng ngựa.

Triệu chứng

Ban đầu ngựa ngừng ăn, đi lại bồn chồn, bứt rứt, hay quay đầu nhìn về phía bụng và chảy rãi.

Sau đó, ngựa đột ngột lên cơn đau đốn, rầy rụa, lăn lộn trên mặt đất kêu rống lên, miệng chảy rãi liên tục. Bụng bắt đầu căng hơi do thức ăn và hơi ứ trệ làm ngựa thở khó khăn.

Bệnh tiến triển rất nhanh. Nếu không được điều trị kịp thời, ngựa có thể bị chết sau 1-3 giờ.

Phát hiện bệnh

Cần căn cứ vào các triệu chứng của ngựa bệnh như mô tả ở phần trên.

Điều trị

** Điều trị triệu chứng:*

Cần sử dụng ngay loại thuốc làm giảm các cơn đau đốn do co thắt và rối ruột.

Tiêm Atropin theo liều: 2 ống $\times$ 5ml cho ngựa (200-250kg). Sau 01 giờ tiêm thêm: 01 ống $\times$ 5ml.

Trợ sức cho ngựa:

- Tiêm long não nước: 2 ống $\times$ 5ml; vitamin B1: 2 ống $\times$ 5ml.
- Nếu ngựa quá mệt: truyền nước đường đẳng trương: 1.000ml vào tĩnh mạch.
- Nâng ngựa đứng dậy một cách nhẹ nhàng.
- Bụng ngựa chướng hơi to (manh tràng) mà hơi không thoát ra được thì dùng trôca cỡ nhỏ hoặc kim dài 15cm chọc vào manh tràng cho hơi thoát ra. Sau khi chọc trôca cần tiêm kháng sinh chống nhiễm trùng: Pênicillin 2 triệu đơn vị + Streptomycin 01 gam.

** Điều trị nguyên nhân:*

 Tìm hiểu nguyên nhân gây ra bệnh để điều trị chính xác:

 - Do nhiễm khuẩn và viêm ruột (sau đó có ỉa lỏng): Dùng Bisepton: theo liều 50mg/kg thể trọng, cho uống thuốc liên tục 3 ngày, phối hợp Kanamycin: theo liều 20mg thể trọng, cho uống liên tục 3 ngày.

 - Do ngộ độc hoá chất: tiêm thuốc trợ sức như cafêin, vitamin B1, truyền sinh lý mặn (1‰) và nước đường (5%) cho ngựa 2.000 ml/ngày.

 - Do giun tròn đường tiêu hoá: tẩy giun cho ngựa: Mebendazol (Mebenvet): theo liều 30mg/kg thể trọng ngựa, trộn thuốc vào thức ăn hoặc đổ cho ngựa uống.

BỆNH Ở DÊ CỪU

1. BỆNH LỞ MỖM LONG MÓNG

Bệnh lở mồm long móng (LMLM) cũng là bệnh truyền nhiễm ở dê cừu tương tự như bệnh LMLM ở trâu bò; nhưng thường nhẹ hơn ở trâu bò. Đặc điểm của bệnh là dê cừu bị sốt, miệng có mụn lở loét với nhiều mầu sắc và quanh móng chân cũng có mụn loét, có thể bong móng chân của dê cừu.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do siêu vi trùng LMLM. Siêu vi trùng gây bệnh cho dê cừu, đồng thời cũng lây truyền và gây bệnh cho trâu bò và lợn.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh: từ 3-8 ngày.

Dê cừu bệnh thể hiện: sốt cao 41-42°C trong 3-4 ngày liên; chảy nước mắt nước mũi, nước rãi của dê, cừu chảy liên tục ra hai bên mép trắng như bột xà phòng. Niêm mạc miệng, trên mặt lưỡi, quanh lợi răng, vòm khẩu cái có nhiều mụn đỏ, sau mụn nước, vỡ loét ra, để lộ các vết loét đỏ, vàng, xám. Ở quanh móng chân cũng có từng đám mụn nhỏ, mụn nước và vỡ loét ra, làm cho dê, cừu đi lại khó khăn, đôi khi làm cho móng bong ra. Dê cừu bị bệnh có tỷ lệ chết không cao, từ 5-10%; nhưng làm dê, cừu ăn kém (do đau miệng), đi lại khó khăn, gây yếu, giảm tăng trọng.

Dê cừu chữa thường xảy thai tương tự như trâu bò.

Dê cừu khỏi bệnh có thể thải siêu vi trùng ra môi trường từ 1-3 tháng sau.

Bệnh tích

Ở miệng có các vết loét với nhiều màu sắc. Ở quanh móng chân cũng có từng đám vết loét, làm long móng chân ở dê, cừu.

Cách lây lan

Bệnh lây truyền do dê, cừu hít thở không khí có siêu vi trùng, siêu vi trùng vào niêm mạc mũi và phế quản, vào máu, đến cả phủ tạng, sau tập trung gây bệnh ở miệng và quanh móng chân.

Phát hiện bệnh

Về lâm sàng, có thể đoán bệnh khi thấy dê, cừu sốt cao, chảy rớt rãi như bột xà phòng hai bên mép, niêm mạc miệng có mụn loét với nhiều màu sắc và quanh móng chân cũng có mụn loét, có thể làm bong móng chân.

Điều trị

Hiện không có thuốc điều trị.

Trong dân gian, người ta cũng có kinh nghiệm điều trị lở loét miệng và quanh móng chân, giống như điều trị ở trâu bò (xem trang 10-11).

Phòng bệnh

Các biện pháp cũng tương tự như phòng bệnh LMLM cho trâu bò:

- Phát hiện sớm dê, cừu bệnh, cách ly điều trị nếu bệnh nhẹ hoặc thiêu hủy, chôn súc vật chết có đồ thuốc sát trùng (vôi bột)

tiêm phòng vacxin cho dê, cừu theo định kỳ: 6 tháng/lần ở các ổ dịch cũ LMLM. Vacxin được tiêm 2 lần, lần 1 cách lần 2 khoảng 17-20 ngày.

- Thực hiện nghiêm ngặt kiểm dịch dê, cừu khi xuất nhập.
- Đảm bảo vệ sinh chuồng trại và môi trường nuôi dê, cừu có định kỳ phun thuốc sát trùng (nước vôi 10%).

2. BỆNH ĐẬU Ở DÊ, CỪU

Bệnh đậu ở dê, cừu là một bệnh truyền nhiễm, lây lan nhanh với các mụn đậu xuất hiện ở nhiều chỗ trên mặt da và niêm mạc miệng, mũi. Dê, cừu non bị bệnh nặng và chết với tỷ lệ cao (30-40%), gây nhiều thiệt hại về kinh tế.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do siêu vi trùng đậu dê, cừu. Các loài gia súc đều bị bệnh đậu; nhưng thường ở mỗi loài gia súc có chủng siêu vi trùng gây bệnh riêng.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh ở dê, cừu là 5-7 ngày.

Dê, cừu bệnh thể hiện: sốt cao: 40-41,7°C, kéo dài 3-5 ngày; chảy nước mắt và dịch mũi, ăn kém, nằm một chỗ, trên mặt da xuất hiện các mụn nhỏ như hạt đỗ, hạt ngô, lúc đầu đỏ, sau mọng trắng, vỡ loét ra, chảy dịch, đóng vảy nâu đen, vảy bong ra để lại vết sẹo đỏ. Các mụn đậu lại mọc lên ở đám da khác.

Biến chứng thường gặp: các mụn đậu mọc ở kết mạc mắt khi vỡ ra có thể làm cho dê, cừu bị mù, mụn đậu mọc ở niêm mạc

mũi và khí quản, gây viêm màng giả, có thể làm cho dê, cừu thở khó, suy hô hấp, mụn đậu mọc ở quanh núm vú, gây lở loét quanh núm vú.

Nếu có nhiễm trùng thứ phát do các loại tạp khuẩn thì các mụn loét mưng mủ, vỡ loét, lâu lành vết thương.

Dê, cừu cái mang thai thường xảy thai khi bị bệnh đậu. Một số dê, cừu non mắc bệnh còn thấy: ỉa chảy nặng, chết nhanh, khi siêu vi trùng đậu tác động đến niêm mạc ruột.

Bệnh tích

Có mụn đậu ở ngoài da và trong niêm mạc mũi, miệng và núm vú ở dê cừu cái.

Cách lây lan

Dê cừu khỏe nhất lẫn với dê cừu bị bệnh sẽ bị nhiễm siêu trùng đậu khi hít thở không khí có mầm bệnh. Siêu trùng xâm nhập vào súc vật từ niêm mạc mũi miệng.

Bệnh thường phát sinh vào đầu mùa xuân, khi thời tiết bắt đầu ấm áp và ẩm ướt.

Phát hiện bệnh

Súc vật sốt, có mụn đậu xuất hiện ở mặt da, trên niêm mạc mũi, miệng và quanh mắt.

Có thể xác định bệnh đậu dê cừu bằng các phản ứng huyết thanh và nuôi cấy trên môi trường để xác định siêu vi trùng đậu.

Điều trị

Không có thuốc đặc hiệu điều trị bệnh đậu.

Cách điều trị các mụn đậu và biến chứng nhiễm khuẩn:

- Bôi các dung dịch sát trùng lên các mụn đậu: thường dùng dung dịch Blue Mêthylen 1% hoặc dung dịch Iodín 1%. Các dung dịch này diệt được siêu trùng và vi khuẩn ở các mụn đậu, làm cho mụn đậu đóng vảy nhanh, bong ra và thành sẹo nhanh.

- Khi có hiện tượng viêm nhiễm do vi khuẩn ở mũi, miệng và viêm khí quản thì điều trị bằng kháng sinh như Ampicillin: dùng liều 30 mg/kg thể trọng phối hợp với Kamamycin: dùng liều 20 mg/kg thể trọng; dùng thuốc liên tục 5-6 ngày, kết hợp sử dụng các loại thuốc trợ sức: Vitamin B1, Vitamin C và Cafêin.

- Trong thời gian điều trị giữ chuồng khô, sạch sẽ và ẩm vào mùa đông.

Phòng bệnh

- Phát hiện sớm dê, cừu bệnh để cách ly và điều trị.

- Tiêm Vaccin phòng bệnh cho dê, cừu khi có điều kiện (Hiện nay, nước ta chưa sản xuất và cũng chưa nhập vacxin đậu dê, cừu).

- Giữ chuồng luôn khô sạch, kín ẩm mùa đông và thoáng mát mùa hè.

3. BỆNH VIÊM PHỔI Ở DÊ, CỪU

Bệnh thường xuyên xảy ra trong đàn dê, cừu khi thời tiết thay đổi từ ẩm áp sang lạnh ẩm (cuối thu sang đông) hoặc từ lạnh sang nóng ẩm (cuối xuân sang hè). Bệnh thường xuyên xảy ra ở dê, cừu non, làm chết với tỷ lệ cao, gây nhiều thiệt hại về kinh tế cho người chăn nuôi.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do vi khuẩn viêm phổi có kết hợp với các tạp khuẩn khác có sẵn trong đường hô hấp của dê, cừu.

Vi khuẩn từ dê, cừu bệnh được thải ra môi trường theo dịch chảy ra từ mũi, miệng của chúng. Vi khuẩn có thể tồn tại từ 1-3 ngày trong môi trường, thường bị diệt dưới ánh nắng mặt trời và các thuốc sát trùng thông thường (nước vôi 10%, vôi bột).

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh của dê, cừu là 3-4 ngày.

Dê cừu bệnh thể hiện: thời gian đầu sốt cao: 41-45,5°C kéo dài 3 ngày; nước mắt, dịch mũi chảy liên tục; ăn kém hoặc bỏ ăn; niêm mạc mắt đỏ sẫm; thở khó tăng dần; ho nhiều, từ ho khan đến ho khạc ra dịch mũi khi bệnh đã trở nên trầm trọng.

Dê cừu bị bệnh cấp tính thường chết nhanh, từ 4-6 ngày sau khi có triệu chứng đầu tiên.

Dê, cừu trưởng thành bị bệnh mãn tính kéo dài, gây yếu dần, ho thở ngày một nặng và thường chết sau 30-45 ngày vì xung hô hấp.

Bệnh tích

Mổ khám dê bệnh thấy: niêm mạc mũi, phế quản và tiểu phế quản tụ huyết xuất huyết, có nhiều dịch và bọt khí; các trường hợp có nhiễm ghép tụ cầu khuẩn thì đều có dịch mũi trong các tiểu phế nang và tiểu thùy phổi.

Các trường hợp mãn tính thấy: có màng giả ở niêm mạc phế quản và một số tiểu thùy phổi viêm xơ hóa có màu nâu đỏ như màu thịt gọi là “nhục hóa”.

Cách lây lan

Bệnh lây lan theo đường hô hấp: dê khỏe hít thở không khí có mầm bệnh sẽ bị bệnh.

Bệnh phát sinh nhiều vào thời gian vụ đông xuân khi thời tiết lạnh ẩm.

Phát hiện bệnh

Các dấu hiệu lâm sàng ở dê: sốt cao, thở khó và ho tăng dần, có dịch mũi chảy ra từ mũi,... giúp cho việc xác định bệnh.

Các xét nghiệm vi khuẩn từ bệnh phẩm giúp việc xác định vi khuẩn gây bệnh.

Điều trị

Dùng phối hợp hai kháng sinh sau đây:

- Tiamulin: dùng liều 1ml cho 10kg thể trọng dê, dùng liên tục 5-6 ngày.

- Oxytetracylin: có thể dùng loại chậm hoặc nhanh với liều 30mg cho 1kg thể trọng dê; dùng thuốc liên tục 5-6 ngày.

Chú ý: hai kháng sinh trên không được tiêm chung trong 1 ống tiêm vì sẽ làm kết tủa thuốc.

- Dùng các loại thuốc trợ sức: Vitamin B2, Vitamin C và Caffein.

Phòng bệnh

Phát hiện sớm dê, cừu ốm, cách ly và điều trị kịp thời.

Giữ chuồng trại khô sạch, kín ấm mùa đông và thoáng mát mùa hè.

Tiêm Vacxin phòng bệnh cho dê khi có điều kiện. Hiện nay, Vacxin chưa được sản xuất ở nước ta và cũng chưa được nhập nội.

4. BỆNH SÁN DÂY Ở DÊ

Đây là một bệnh phổ biến ở dê nước ta, đặc biệt là dê đàn ở các tỉnh trung du và miền núi. Dê non từ 1-4 tháng tuổi mắc bệnh nặng hơn dê trưởng thành với hội chứng ỉa chảy nặng.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do sán dây sống ký sinh ở ruột non của dê. Sán dây trưởng thành dài từ 100-150cm, chia thành nhiều đốt, đốt càng về cuối thân càng lớn, đầu sán rất nhỏ có giác bám để bám vào vách ruột non để hút chất dinh dưỡng, trong mỗi đốt sán có chứa nhiều trứng. Đốt già rụng đi theo phân ra ngoài môi trường, đốt vỡ và giải phóng trứng ra ngoài. Ở môi trường bên ngoài có một số nhện đất nuốt các trứng sán dây. Trứng vào cơ thể nhện sẽ phát triển thành ấu trùng. Dê ăn cỏ cây nuốt phải nhện mang ấu trùng sán dây, nhện vào ruột dê bị phân hủy và ấu trùng sán dây bám vào thành ruột phát triển đến trưởng thành.

Triệu chứng

Sán dây gây ra các tác hại cho dê: giác bám vào ruột hút chất dinh dưỡng, làm cho dê gầy yếu, suy nhược, đồng thời tiết ra độc tố gây rối loạn tiêu hóa và viêm ruột ở dê; các giác bám tạo ra các vết tổn thương, vi khuẩn có sẵn trong ruột xâm nhập vào vết thương làm cho viêm ruột nặng hơn.

Dê bệnh thể hiện: ăn kém, gầy yếu, suy nhược dần, ỉa chảy dai dẳng, phân lỏng của dê thường xuất hiện nhiều đốt sán trắng có mùi tanh. Dê non từ 1-4 tháng tuổi biểu hiện các triệu chứng rõ ràng hơn ở dê trưởng thành và cũng bị chết nhiều hơn.

Bệnh tích

Mổ khám dê bệnh thấy: niêm mạc ruột non bị tụ huyết và tróc ra từng mảng do tác động của sán.

Cách lây lan

Bệnh lây qua đường tiêu hóa: do dê ăn phải nhện đất có mang ấu trùng sán đây sẽ bị nhiễm sán đây.

Nhện đất có vai trò trung gian truyền ấu trùng sán cho dê.

Phát hiện bệnh

Dê gầy yếu, ỉa chảy dai dẳng và trong phân có đốt sán là các dấu hiệu giúp cho việc xác định bệnh.

Điều trị

Điều trị bằng 1 trong 2 loại hóa dược đặc biệt sau:

- Niclosamide: dùng liều 50mg cho 1kg thể trọng dê. Cách dùng thuốc: tán nhỏ thuốc hòa với nước cho dê uống lúc đói, thuốc chỉ uống một lần.

- Prafiquentel: dùng liều 10mg cho 1kg thể trọng của dê. Cách dùng: tán thuốc pha với nước cho dê uống lúc đói.

Tỷ lệ tẩy sạch sán đạt 80-90%.

Phòng bệnh

Tẩy sán định kỳ: 4 tháng/lần bằng 1 trong 2 hóa dược trên cho toàn dê ở những vùng có lưu hành bệnh sán đây.

Phun thuốc diệt nhện đất theo định kỳ: 2 tuần/lần ở khu vực nuôi dê bằng các hóa dược ít gây hại cho dê và không gây ô nhiễm môi trường (Hantox của Công ty Hanvet).

Ủ phân dê để diệt đốt sán và trứng sán.

BỆNH Ở LỢN

1. BỆNH DỊCH TẢ LỢN

Bệnh dịch tả lợn là một bệnh truyền nhiễm gây ra do siêu vi trùng, phân bố rộng ở các vùng sản xuất ở nước ta, bệnh xảy ra quanh năm, nhưng thường xuất hiện nhiều từ cuối mùa đông sang mùa xuân ở các tỉnh miền núi.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do siêu vi trùng dịch tả lợn. Lợn cái đã tiêm vacxin phòng bệnh không mắc bệnh vẫn có thể nhiễm siêu vi trùng, thải siêu vi trùng ra môi trường tự nhiên, làm lây nhiễm sang lợn con.

Siêu vi trùng có thể tồn tại ngoài môi trường tự nhiên từ 1-2 ngày, ánh nắng mặt trời và các thuốc sát trùng (Hanolodin, Virkon, vôi bột) đều diệt được vi trùng.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh là từ 2-4 ngày.

Lợn bệnh thể hiện: sốt cao mấy ngày đầu (41°C - 42°C), ăn ít hoặc bỏ ăn, uống nước nhiều, chảy nước mắt, nước mũi, mắt có nhiều dử trắng, nằm một chỗ, trên da có những đám tụ máu đỏ lấm tấm, tập trung ở tai, mõm và 4 chân. Sau đó, nhiệt độ của lợn giảm thấp hơn nhiệt độ bình thường (37°C - $37,5^{\circ}\text{C}$), và lợn ỉa chảy dữ dội. Phân lúc đầu táo, sau ỉa lỏng vọt cần câu, phân màu xám xanh hoặc xám vàng, có mùi tanh như mùi cá mè.

Lợn gầy dốc, da nhăn nheo do mất nước, cuối cùng sẽ chết do kiệt sức sau thời gian bị bệnh trung bình từ 5-7 ngày.

Lợn nái mang thai sẽ sảy thai khi nhiễm siêu trùng dịch tả. Lợn nái được tiêm vaccin phòng bệnh vẫn có thể mang siêu trùng dịch tả, thải siêu vi trùng, lây nhiễm cho lợn con và lợn trong cùng chuồng.

Bệnh tích

Mổ lợn ốm, thấy xung quanh lá lách sưng cộm hình răng cưa, có mầu tím sẫm, van hồi manh tràng có những vết loét nổi gờ, phủ bựa vàng xám, hạch lâm ba sưng, cắt ngang chông giống như đá hoa vân, bàng quang có tụ máu và xuất huyết đỏ, thận có lấm tẩm tụ huyết trên mặt.

Cách lây lan

Bệnh lây lan: chủ yếu qua đường tiêu hoá do lợn khoẻ ăn uống phải siêu vi trùng có trong thức ăn và nước uống.

Lợn ở các lứa tuổi đều nhiễm siêu trùng dịch tả và phát bệnh nếu trước đó chưa được tiêm vaccin phòng bệnh.

Phát hiện bệnh

Căn cứ vào các dấu hiệu lâm sàng: sốt rất cao, giảm nhiệt độ và ỉa chảy nặng, phân có mùi tanh khắm, có vết loét ở van hồi manh tràng (chỗ ruột non nối với ruột già), lá lách sưng nổi cộm như hình răng cưa ở xung quanh,...

Điều trị

Hiện chưa có thuốc điều trị bệnh dịch tả lợn.

Phòng bệnh

Tiêm vaccin phòng bệnh dịch tả lợn theo định kỳ: 6 tháng/lần.

Tiêm vaccin bổ xung cho lợn con lứa tuổi 30-45 ngày.

Phát hiện sớm lợn bệnh để xử lý: Mổ thịt, cắt thịt từng mảnh và luộc kỹ trước khi dùng, nơi mổ phải đốt hoặc rắc vôi bột, phủ tạng phải chôn có đổ vôi bột, lợn chết phải chôn sâu giữa 2 lớp vôi bột.

Chuồng trại thực hiện khô sạch, định kỳ phun thuốc sát trùng (Hạn Iodin 5⁰/₁₀₀, virkon 5⁰/₁₀₀). Chuồng có lợn ốm, lợn chết phải dọn sạch ngay, rắc vôi bột, để trống 2-3 tuần mới nuôi lợn trở lại.

Khi có dịch xảy ra không được xuất, nhập lợn và giết mổ.

Khi nhập lợn mới phải nuôi cách ly 2 tuần, lợn không có dấu hiệu bệnh mới cho nhập đàn.

2. BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG LỢN

Bệnh tụ huyết trùng là một bệnh truyền nhiễm ở lợn gây ra do vi khuẩn, thường xảy ra rải rác quanh năm ở nhiều địa phương, gây thiệt hại đáng kể cho đàn lợn. Ở các tỉnh trung du và miền núi nước ta, bệnh phát sinh vào các tháng nóng ẩm và mưa nhiều, từ tháng 6 đến tháng 9.

Nguyên nhân

Tác nhân gây bệnh là vi khuẩn tụ huyết trùng lợn. Vi khuẩn có thể cư trú trong hạch hầu của một số lợn khỏe. Khi lợn giảm sức đề kháng do thời tiết thay đổi, do thức ăn thiếu, vi khuẩn sẽ gây bệnh và làm chết lợn.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh: 1-3 ngày.

Lợn bệnh thể hiện: sốt cao (41°C-42°C), Chảy nước mũi, nước mắt, bỏ ăn, nằm bệt, ngoài da có những mảng đỏ xẫm ở tai, mõm,

lưng, bụng,... Lợn bệnh thở rất khó khăn, khi thở phải ngồi như chó ngồi. Lợn con 2-3 tháng tuổi khi sốt cao có dấu hiệu thần kinh: kêu la, đi vòng tròn, húc đầu vào tường, rồi dẫy chết.

Lợn bị bệnh cấp tính thường rất nặng, chết nhanh, chỉ sau 1-2 ngày bị bệnh. Đặc biệt, có trường hợp lợn chết đột ngột mà không thể hiện rõ các triệu chứng.

Bệnh tích

Mổ khám lợn bệnh, thấy toàn bộ tổ chức dưới da và thịt đều tụ máu đỏ. Các phủ tạng: phổi, gan, lách, thận cũng đều sưng và tụ máu đỏ sẫm.

Cách lây lan

Bệnh lây truyền chủ yếu qua đường tiêu hoá do lợn ăn phải vi khuẩn từ thức ăn và nước uống bị ô nhiễm.

Lợn ở các lứa tuổi đều có thể bị bệnh.

Phát hiện bệnh

Căn cứ vào các triệu chứng đặc trưng của lợn bệnh: sốt cao, ngoài da đỏ sẫm từng mảng, thở rất khó khăn, chết nhanh, các phủ tạng đều tụ huyết đỏ sẫm.

Điều trị

Thuốc điều trị: dùng 1 trong các loại kháng sinh sau đây:

- Streptomycin: dùng liều 30 mg/kg thể trọng, tiêm liên tục 3-4 ngày.
- Kanamycin: dùng liều 30 mg/kg thể trọng, tiêm liên tục 3-4 ngày.

Oxytetracyclin: dùng liều 30 mg/kg thể trọng; tiêm liên tục 3-4 ngày.

Có thể dùng phối hợp một trong kháng sinh trên với Bisepton theo liều 40 mg/kg thể trọng, cho uống liên tục 3-4 ngày hoặc Sulfamethazol theo liều 30 mg/kg thể trọng tiêm 3-4 ngày.

- Thuốc trợ sức: tiêm cafêin, vitamin B1, vitamin C, cho lợn uống dung dịch điện giải hoặc nước đường.

- Chăm sóc lợn bệnh: cách ly lợn ốm để chữa, thực hiện vệ sinh chuồng trại, nuôi dưỡng tốt lợn bệnh trong thời gian điều trị.

Phòng bệnh

Áp dụng các biện pháp tương tự như phòng bệnh dịch tả lợn.

- Tiêm vaccin phòng bệnh tụ huyết trùng cho lợn theo định kỳ 6 tháng/năm.

- Phát hiện sớm lợn bệnh, cách ly triệt để và điều trị kịp thời.

- Lợn chết phải chôn sâu có đổ vôi bột hoặc nước vôi 10%.

- Khi nhập lợn mới phải nuôi cách ly 2-3 tuần mới cho nhập đàn.

- Thường xuyên thực hiện vệ sinh chuồng trại và môi trường chăn nuôi.

- Ủ phân để diệt vi trùng gây bệnh.

3. BỆNH ĐÓNG DẤU LỢN

Bệnh đóng dấu lợn là một bệnh truyền nhiễm ở lợn gây ra do vi khuẩn có thể lây sang người, phân bố rộng ở các vùng sinh thái nước ta. Các ổ dịch thường xảy ra vào hai thời điểm: cuối mùa thu sang mùa đông và cuối mùa xuân sang hè, gây nhiều thiệt hại cho đàn lợn.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do vi khuẩn đóng dấu lợn. Vi khuẩn có thể tồn tại từ 2-4 tuần ở môi trường tự nhiên, nhất là những nơi thiếu ánh sáng mặt trời và ẩm ướt.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh: 2-4 ngày.

Lợn bệnh có các triệu chứng: sốt cao (41-42°C), 2-3 ngày liên, chảy nước mắt nước mũi, ăn kém hoặc bỏ ăn, thích nằm chỗ tối. Trên mặt da lợn nổi các dấu đỏ hình vuông, tròn, chữ nhật,... to nhỏ khác nhau. Do vậy mà người ta gọi là “bệnh đóng dấu lợn”.

Lợn bị bệnh thể cấp tính chết rất nhanh, từ 1-3 ngày. Có trường hợp lợn chết đột ngột mà không có các triệu chứng bệnh.

Lợn bị bệnh thể mãn tính thì các triệu chứng nhẹ hơn, kéo dài từ 10-20 ngày. Các dấu đỏ trên da bị hoại tử, bong ra từng mảng và chảy nước vàng. Lợn bị viêm khớp, gây yếu dần và chết do kiệt sức.

Bệnh tích

Mổ khám lợn bệnh thấy các dấu đỏ trên da ăn sâu vào tận lớp mỡ, lách sưng và nổi cộm từng đám, trên mặt thận có các vết tụ máu đỏ, đặc biệt khi lợn bị bệnh mãn tính, van tim bị sùi như hoa súp-lơ.

Cách lây lan

Bệnh lây truyền qua đường tiêu hoá do lợn ăn phải vi khuẩn có trong thức ăn và nước uống. Vi khuẩn cũng có thể vào cơ thể qua các vết thương trên mặt da.

Lợn ở các lứa tuổi đều bị bệnh.

Phát hiện bệnh

Căn cứ theo các dấu hiệu đặc trưng của lợn bệnh để đoán bệnh: trên da có các dấu đỏ với các hình dạng và kích thước khác nhau, ăn sâu vào tận lớp mỡ, các dấu đỏ trên da có thể bong ra, chảy dịch, lách sưng cộm, van tim sần sùi (trường hợp bị bệnh mãn tính),...

Điều trị

Thuốc điều trị: dùng phối hợp Pênicillin với liều 30.000 đơn vị/kg thể trọng lợn, phối hợp với Streptomycin với liều 30mg/kg thể trọng, chia liều thuốc làm 2-3 lần tiêm trong ngày, dùng thuốc liên tục: 3-4 ngày.

Có thể thay pênicillin bằng Ampicillin với liều 30 mg/kg thể trọng, thay Streptomycin bằng Kanamycin, dùng liều như Streptomycin.

Thuốc trợ sức: tiêm cafêin, vitamin C, vitamin B1 cho lợn.

Chăm sóc: cách ly lợn ốm để điều trị, giữ gìn chuồng trại sạch sẽ, nuôi dưỡng tốt lợn bệnh.

Phòng bệnh

Tiêm vacxin phòng bệnh lợn đóng dấu cho lợn theo định kỳ: 6 tháng lần.

Phát hiện lợn ốm, cách ly và điều trị kịp thời.

Thực hiện vệ sinh chuồng trại và môi trường chăn nuôi lợn.

Khi có dịch xảy ra và có lợn chết thì xử lý như đối với bệnh dịch tả lợn và bệnh tụ huyết trùng.

4. BỆNH PHÓ THƯƠNG HÀN

Bệnh phó thương hàn là bệnh truyền nhiễm đường tiêu hoá do vi khuẩn, thường chỉ gặp ở lợn con 1-3 tháng tuổi.

Bệnh có ở khắp nơi và thường xảy ra rải rác quanh năm, gây nhiều thiệt hại cho các cơ sở chăn nuôi sinh sản và lợn giống.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do vi khuẩn thương hàn. Vi khuẩn có thể tồn tại lâu trong chuồng trại và môi trường chăn nuôi, từ vài tuần đến 2-3 tháng.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh: từ 3-6 ngày.

Lợn bệnh thể hiện: thời kỳ đầu sốt cao (41°C - 42°C), khi sốt lợn có các cơn run rẩy, đi lại chệnh choạng, ăn ít hoặc bỏ ăn, chỉ thích uống nước. Sau thời kỳ sốt, lợn đi ỉa chảy dữ dội, phân lúc đầu táo, sau lỏng, có mầu xanh xám, đôi khi lẫn máu, mùi tanh khắm.

Lợn con 1-2 tháng tuổi bị bệnh thể cấp tính, thường chết sau 3-4 ngày do mất nước.

Lợn bị bệnh thể mãn tính thì các triệu chứng nhẹ hơn, lợn lúc ỉa lỏng, lúc phân táo, gầy yếu và thiếu máu kéo dài, từ 1- 2 tháng, kết thúc lợn cũng chết do kiệt sức.

Lợn nái mang thai bị nhiễm vi khuẩn không có triệu chứng bệnh, nhưng thường bị sẩy thai.

Bệnh tích

Niêm mạc ruột già hoại tử, bong từng mảng, van hồi manh tràng có các vết loét, có bờ và có hình cốc áo.

Cách lây lan

Bệnh lây truyền qua đường tiêu hoá. Lợn ăn phải vi khuẩn có trong thức ăn và nước uống sẽ phát bệnh.

Bệnh chỉ gặp ở lợn con từ 1-3 tháng tuổi.

Bệnh có thể lây nhiễm sang người.

Phát hiện bệnh

Các dấu hiệu làm căn cứ xác định bệnh: lợn con bị ỉa chảy kéo dài, gầy yếu và suy nhược dần, niêm mạc ruột già hoại tử, có các vết loét hình cúc áo ở van hồi manh tràng.

Điều trị

Thuốc điều trị: dùng phối hợp kháng sinh và Sulfamide: Oxytetracyclin với liều 30 mg/kg thể trọng phối hợp với Sulfaguanidin với liều 40 mg/kg thể trọng, dùng thuốc từ 5-6 ngày.

Colistin với liều 20 mg/kg thể trọng phối hợp với Bisepton với liều 30 mg/kg thể trọng, dùng thuốc từ 5-6 ngày.

- Thuốc trợ sức: tiêm cafêin, vitamin B1, vitamin C cho lợn.

- Chăm sóc: cách ly lợn bệnh để điều trị, nuôi dưỡng lợn ốm bằng thức ăn dễ tiêu, dọn chuồng sạch sẽ và tiêu độc bằng thuốc sát trùng.

Phòng bệnh

Tiêm vacxin phòng bệnh phó thương hàn cho lợn con: tiêm 2 lần: lần 1 khi lợn 18-20 ngày, lần 2 khi lợn 45 ngày tuổi.

Thực hiện vệ sinh chuồng trại và môi trường chăn nuôi.

Chống ô nhiễm nguồn nước và đảm bảo vệ sinh thức ăn.

Áp dụng các biện pháp xử lý lợn chết tương tự như trong bệnh dịch tả lợn.

5. BỆNH LỢN NGHỆ

Bệnh lợn nghệ mà trong ngành thú y vẫn gọi là bệnh leptô, là một bệnh truyền nhiễm chung cho lợn, trâu, bò, dê, chó,... có thể lây sang người, có đặc điểm là da và niêm mạc súc vật bệnh vàng như nghệ, có mùi khét.

Bệnh xảy ra quanh năm ở các tỉnh miền núi và trung du, gây nhiều tổn thất cho đàn lợn.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do các chủng vi khuẩn leptô. Vi khuẩn thường được thải ra môi trường từ súc vật bị bệnh mãn tính qua nước tiểu. Chuột đóng vai trò rất quan trọng làm lây truyền mầm bệnh cho súc vật và người.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh: từ 5-10 ngày.

Lợn bệnh thể hiện: giai đoạn đầu sốt cao (41°C - $41,5^{\circ}\text{C}$), ăn kém, mệt nhọc, ít hoạt động, sau đó lợn vàng da và các niêm mạc, nước tiểu lúc đầu như nước vo gạo, sau vàng sẫm và ít dần, bại liệt chân sau, đi lại khó khăn.

Lợn mắc bệnh thể cấp tính thường chết 7-12 ngày.

Lợn bị bệnh mãn tính nhẹ hơn, kéo dài tình trạng suy nhược và chết do kiệt sức sau 2-3 tháng.

Lợn nái mang thai nhiễm vi khuẩn leptô sẽ bị tiêu thai và sẩy thai.

Bệnh tích

Mổ khám lợn bệnh, thấy da và mỡ vàng như nghệ, có mùi khét, gan nhợt như màu đất thỏ, mật teo và nước mật đặc quánh.

Cách lây lan

Bệnh lây truyền theo 2 đường:

- Vi khuẩn xâm nhập qua da, niêm mạc và các vết thương vào cơ thể súc vật. Chuột là vật chủ môi giới thái vi khuẩn vào môi trường qua nước tiểu. Vi khuẩn tồn tại lâu ở nước cống rãnh, ao, hồ. Lợn tiếp xúc với nguồn nước có vi khuẩn sẽ bị lây bệnh.

- Vi khuẩn có thể xâm nhập qua niêm mạc đường tiêu hoá khi lợn ăn hoặc uống nước có vi khuẩn.

Phát hiện bệnh

Căn cứ vào các dấu hiệu đặc trưng của lợn bệnh: da, niêm mạc, mỡ đều vàng như nghệ và có mùi khét, lợn nái thường bị tiêu thai, sảy thai.

Điều trị

Bệnh rất khó điều trị, nếu lợn đã bị bệnh kéo dài. Điều trị lợn bị bệnh giai đoạn đầu như sau:

- Pênicillin: dùng liều 30 mg/kg thể trọng phối hợp với Streptomycin: dùng liều 30 mg/kg thể trọng, dùng thuốc liên tục 5-7 ngày. Có thể thay Pênicillin bằng Ampicillin với liều 30 mg/kg thể trọng, Streptomycin bằng Kanamycin.

- Thuốc trợ sức: tiêm cafêin, vitamin B1, vitamin C, vitamin B12.

- Chăm sóc: cách ly lợn ốm để điều trị, nuôi dưỡng tốt lợn bệnh khi điều trị.

Phòng bệnh

Tiêm vaccin phòng bệnh lợn nghé cho lợn theo định kỳ 6 tháng/lần.

Diệt chuột bằng đánh bẫy, dùng bả chuột; hạn chế không cho chuột vào chuồng lợn, nơi chứa thức ăn bằng cách rào lưới thép, nuôi mèo.

Thực hiện vệ sinh chuồng trại: khơi thông, làm khô cống rãnh và các ao tù để diệt vi khuẩn ở môi trường tự nhiên.

6. BỆNH SÁN LÁ RUỘT LỢN

Bệnh sán lá ruột lợn do sán lá ruột gây ra, chỉ thấy ở các nước nhiệt đới châu Á và châu Phi. Ở Việt Nam, bệnh có ở khắp các tỉnh từ Bắc đến Nam. Lợn bị nhiễm sán với tỷ lệ cao, từ 30-50%, gây yếu, giảm tăng trọng, gây thiệt hại kinh tế cho người chăn nuôi.

Nguyên nhân

Tác nhân gây bệnh là sán lá ruột ký sinh ở ruột non lợn.

Sán trưởng thành đẻ trứng trong ruột. Trứng theo phân ra ngoài, nở thành ấu trùng có lông (mao ấu), ấu trùng chui vào ốc ký chủ trung gian, phát triển qua 4 giai đoạn thành vĩ ấu (ấu trùng có đuôi). Vĩ ấu ra khỏi ốc, rụng đuôi thành Kén. Giai đoạn ấu trùng kéo dài 3-3,5 tháng.

Lợn ăn phải kén vào ruột nở ra sán non. Sán non phát triển thành sán trưởng thành trong ruột khoảng 3-3,5 tháng.

Triệu chứng

Sán ký sinh kích thích niêm mạc dạ dày, ruột gây nôn và lợn kém ăn.

Sán chiếm đoạt chất dinh dưỡng khiến lợn gầy yếu, suy nhược, thiếu máu.

Độc tố của sán tác động lên niêm mạc ruột làm tăng quá trình viêm ruột.

Bệnh tích

Niêm mạc ruột sần sùi, tăng sinh, viêm loét do tác động của sán lá.

Trong ruột có sán lá.

Cách lây lan

Bệnh lây truyền qua đường tiêu hoá do lợn ăn phải kén sán.

Những địa phương có tập quán cho lợn ăn rau thủy sinh, tỷ lệ nhiễm sán ở lợn cao.

Phát hiện bệnh

Kiểm tra trứng sán trong phân.

Mổ lợn tìm sán trong ruột lợn.

Điều trị

Tẩy sán cho lợn bằng Trichlabendazol (Fascinex, Handertil-B) theo liều 10-12 mg/kg thể trọng.

Praziquantel: theo liều 12 mg/kg thể trọng.

Thuốc trộn với thức ăn cho lợn.

Phòng bệnh

Tẩy sán cho lợn theo định kỳ 6 tháng/lần bằng hoá dược trên.

Ủ phân diệt trứng sán.

Thực hiện vệ sinh chuồng trại và nơi chăn thả lợn.

Hạn chế cho lợn ăn rau thủy sinh sống để tránh nhiễm kén sán.

BỆNH Ở CHÓ, MÈO

1. BỆNH ĐẠI Ở CHÓ, MÈO

Đặc điểm chung

Bệnh đại là một bệnh truyền nhiễm chung của các loài thú nuôi: chó, mèo, lợn, ngựa, trâu bò,... các loài thú hoang: chó sói, cáo, chồn, cầy chuột, lợn rừng,... và cả người. Bệnh gây ra do virus đại. Súc vật và người bị bệnh đại đều có biểu hiện đặc trưng: điên loạn, bại liệt và chết 100%.

Bệnh đại hiện đã được thanh toán ở một số nước Bắc Mỹ và châu Âu, nhưng còn phổ biến ở các nước đang phát triển châu Á, châu Phi và Nam Mỹ.

Ở Việt Nam, bệnh đại cho đến nay vẫn còn tồn tại ở hầu hết các tỉnh từ Bắc đến Nam, xảy ra rải rác quanh năm, nhưng tập trung vào các tháng nóng ẩm từ mùa hè đến mùa thu.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do siêu vi trùng (virus) đại, thường tồn tại ở một số loài động vật ăn thịt hoang dã, như: chó sói, cầy, cáo, chuột,... Người ta gọi những loài thú này là động vật tàng trữ mầm bệnh trong tự nhiên. Virus đại chỉ bị tiêu diệt ở nhiệt độ 50°C-70°C và dưới ánh sáng mặt trời sau 15-20 phút.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh dài hay ngắn phụ thuộc vào vết cắn (do chó, mèo đại hoặc động vật hoang bị đại) ở gần hay xa thần kinh trung ương não bộ). Trong thời gian ủ bệnh, virus di chuyển từ dây thần kinh ngoại vi lên não.

+ Ở chó: Vết cắn ở đùi sau và chân sau, thời gian ủ bệnh từ 12-15 ngày, vết cắn ở đùi trước và chân trước, thời gian ủ bệnh từ 6-8 ngày.

+ Ở con người: Vết cắn ở chân, thời gian bị bệnh từ 45-60 ngày, vết cắn ở tay, từ ngang thắt lưng trở lên, thời gian bị bệnh từ 15-20 ngày.

Chú ý: Trước khi chó có triệu chứng lâm sàng 2 tuần nghĩa là vẫn trong thời gian ủ bệnh, nước rãi của chó đã có virus dại và có thể truyền virus sang chó khoẻ và cả người, nếu bị chó này cắn.

+ *Triệu chứng bệnh dại ở chó*

Chó bị bệnh ở hai thể:

* *Thể dại điên:* Trong thời gian ủ bệnh, chó có hành động khác thường như: đi lại bồn chồn, không yên, ngơ ngác, sợ ánh sáng, sợ nước, bỏ ăn, nằm vào xó tối, chảy rãi nhiều, ban đêm không ngủ, đi lang thang, kêu hú,... Sau đó, chó mất phản xạ quen chủ, lên cơn điên loạn, lao vào cắn xé mọi người, kể cả người trong nhà và súc vật khác khi chó gặp trên đường đi. Chó dễ bị kích động, chỉ cần một tiếng động nhỏ cũng lồng lên, sủa rống lên, bỏ nhà ra đi không có định hướng, cuối cùng, chó bị liệt chân và chết trong trạng thái gầy xơ xác và kiệt sức. Thời gian từ lúc chó lên cơn điên đến khi chết khoảng 6-7 ngày.

* *Thể dại liệt:* Còn gọi là “thể dại câm”, khác với thể dại điên, chó lặng lẽ chui vào xó tối, nằm im. Đầu tiên chó bị liệt cơ hàm và họng, không nhai và nuốt được, chỉ chảy rãi. Sau đó, chó bị liệt chân và toàn bộ cơ thể, hôn mê và chết. Thời gian tiến triển của bệnh đến khi chết khoảng 7-10 ngày.

+ *Triệu chứng bệnh dại ở mèo*

Mèo có thời gian ủ bệnh ngắn hơn, từ 6-10 ngày. Cũng như chó, mèo bị bệnh ở 2 thể:

* *Thể đại điên*: Mèo bỏ đi lang thang, lao vào tấn công, cắn xé người, kể cả chủ và các súc vật khác mà nó gặp, gào thét liên tục, kết thúc, mèo chết trong tình trạng liệt toàn thân và kiệt sức. Thời gian từ lúc mèo phát bệnh đến khi chết khoảng 6-7 ngày.

* *Thể đại liệt*: Mèo lặng lẽ tìm xó tối, nằm im trong tình trạng cơ thể bị liệt dần, hôn mê và chết.

+ *Triệu chứng dại ở các loại thú nuôi khác*

* Lợn cũng bị thể đại điên, nếu bị chó dại cắn. Khi phát bệnh, lợn chạy lồng lộn, phá chuồng, kêu rống, lao vào tấn công người và súc vật khác và kết thúc cũng chết trong trạng thái bại liệt và hôn mê.

* Trâu bò bị chó dại cắn, sau thời gian ủ bệnh khoảng 1 tháng cũng phát bệnh thể đại điên. Chúng lồng lộn, kêu rống, lao vào tấn công người và súc vật khác. Người ta thường phải bắn chết trâu, bò dại khi phát hiện chúng bị dại.

+ *Triệu chứng bệnh dại ở các loài thú hoang dã*

Các loài thú hoang ăn thịt thường bị bệnh dại là: chó sói, cầy, cáo, mèo rừng, báo,... sau khi chúng bị súc vật dại cắn. Khi chúng bị nhiễm virus dại trở nên rất nguy hiểm vì không những phát bệnh dại truyền bệnh dại cho các loài thú nuôi, mà còn là những động vật tàng trữ mầm bệnh, không có các dấu hiệu của bệnh. Người đi săn và chó săn nếu bị những động vật này cắn sẽ bị phát bệnh dại.

+ Triệu chứng bệnh dại ở người

Người bị chó dại, mèo dại và các thú hoang bị dại cắn, nếu không đi tiêm phòng bệnh dại thì sẽ nhiễm virus dại và phát bệnh dại.

Người thường bị bệnh dại thể điên cuồng. Thời kỳ bị bệnh, người thể hiện: bồn chồn, lo lắng, đi lại không yên, ăn kém, không ngủ được, sợ nước, sợ gió. Sau đó, người bệnh điên loạn, hú hét, đập phá, co giật, chảy rãi liên tục, cuối cùng chết trong tình trạng bại liệt và hôn mê.

Bệnh tích

Virut dại gây viêm và phá hoại tủy sống và bộ não nên khi mổ khám, quan sát thấy: não và tủy sống bị tụ huyết và xuất huyết đỏ rõ rệt.

Người ta cũng kiểm tra bệnh tích vi thể ở não để xác định chắc chắn súc vật bị bệnh.

Cách truyền lây

Bệnh truyền lây qua vết thương: chó dại hoặc súc vật dại khác cắn súc vật khỏe và người sẽ truyền virus dại qua vết thương. Nước rãi của súc vật dại có chứa nhiều virus dại.

Sau khi xâm nhập qua vết thương, virus dại vào dây thần kinh gần vết thương nhất, rồi từ đó về tủy sống, lên não, gây viêm não cấp tính và làm phát sinh bệnh dại ở súc vật và người.

Phát hiện bệnh

Chó, mèo và các động vật khác bị bệnh dại thể điên rất dễ phát hiện qua dấu hiệu bên ngoài của chúng, nhưng rất khó

phát hiện khi chúng bị bệnh thể bại liệt (chỉ nằm im lặng một chỗ cho đến chết).

Khi nghi súc vật chết do bệnh dại, người ta kiểm tra tổn thương ở tủy sống và não.

Điều trị

Khi người bị chó và súc vật dại cắn mà vết cắn ở gần não thì phải mang ngay đến Trạm y tế gần nhất để điều trị bằng kháng huyết thanh dại và tiêm vaccin chống dại theo sự hướng dẫn điều trị của bác sĩ.

Khi chó, mèo và súc vật khác bị chó dại cắn thì người ta nhốt lại theo dõi xem có đúng bị bệnh dại không? Nếu đúng bị bệnh dại thì không điều trị phải tiêu hủy và chôn sâu có thuốc sát trùng (vôi bột).

Phòng bệnh

Người bị chó dại hoặc nghi bị dại thì phải đến ngay cơ quan y tế khám, tiêm kháng huyết thanh hoặc vaccin do Bác sĩ chỉ định.

Phát hiện chó, mèo dại và súc vật khác bị dại để tiêu diệt.

Tổ chức tiêm vaccin phòng bệnh cho chó, mèo theo định kỳ 1-2 lần/năm (đợt tiêm chính và đợt tiêm bổ sung).

Cần đặc biệt quan tâm khi trẻ em bị chó, mèo cắn, người đi săn và chó săn bị thú hoang dại cắn, cần đến khám tại cơ quan y tế.

2. BỆNH SÀI SỐT Ở CHÓ

Bệnh sài sốt là một bệnh truyền nhiễm phổ biến ở chó gây ra do siêu vi trùng, còn được gọi là bệnh Carê, vì Carê là nhà khoa

học phát hiện ra bệnh. Bệnh lây lan rất nhanh trong đàn chó, làm chết nhiều chó non dưới một năm tuổi với các triệu chứng viêm đường hô hấp, viêm đường tiêu hoá và rối loạn thần kinh (co giật, bại liệt).

Ở Việt Nam, bệnh đã được phát hiện ở các giống chó cảnh nuôi ở các thành phố, chó nghiệp vụ của công an và chó nội nuôi ở nông thôn.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do siêu vi trùng Carê có sức gây bệnh rất mạnh đối với chó, nhưng lại có sức đề kháng yếu trong tự nhiên, bị diệt dưới ánh sáng mặt trời và nhiệt độ 56°C chỉ trong 10-30 phút.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh: từ 4-6 ngày.

Chó bị bệnh thể hiện:

- *Triệu chứng viêm đường hô hấp*: sốt cao (40°C-41,5°C) kéo dài, chảy nước mắt, nước mũi, thở khó và ho tăng dần, khi thở có tiếng khò khè, khi ho có mủ xanh chảy ra ở mũi và miệng chó.

- *Triệu chứng viêm đường tiêu hoá*: trong thời gian sốt, chó nôn mửa, không ăn được do viêm dạ dày và ruột, ỉa chảy rất nặng, phân lỏng có lẫn máu đỏ lờ lờ do chảy máu ruột, phân có mùi tanh khắm. Thể bệnh đường tiêu hoá rất nặng, làm chó chết sau 3-4 ngày.

- *Triệu chứng thần kinh*: cũng trong thời kỳ sốt cao, chó ở lứa tuổi 1-4 tháng thường điên loạn, chạy lung tung không có định hướng, kêu la như bị đánh, chảy rớt rãi liên tục,... Các trường hợp bị bệnh nặng, chó bị chết sau vài giờ lên cơn điên loạn. Khác với

bệnh đại là chó vẫn tỉnh táo trở lại sau các cơn điên loạn, không cắn người và chó khác. Sau đó, chó co giật chân ngày một nặng, cuối cùng liệt chân và chết.

Chó non dưới 1 năm tuổi bị bệnh có thể có đầy đủ các triệu chứng viêm đường hô hấp, viêm đường tiêu hoá, rối loạn thần kinh và chết rất nhanh với tỷ lệ rất cao: 90-100%. Một số rất ít chó có thể tự khỏi bệnh, nhưng còn di chứng thần kinh, như: run rẩy, đi khập khiễng,... Chó trưởng thành ít khi bị bệnh và thường bị bệnh thể thần kinh.

Bệnh tích

Mổ khám chó bệnh, thấy các bệnh tích tuỳ theo các thể bệnh:

- Thể bệnh viêm đường hô hấp: niêm mạc phế quản và phổi bị tụ máu, có dịch mủ, phổi bị viêm sưng cứng lại, cắt ra có mủ.
- Thể bệnh viêm đường tiêu hoá: niêm mạc dạ dày và ruột tụ máu đỏ từng đám, chảy máu ruột nên trong ruột chứa đầy phân lỏng lẫn máu.
- Thể thần kinh: trong não có tụ máu từng đám rõ rệt.

Cách lây lan bệnh

Chó bị lây bệnh theo hai cách:

- Siêu vi trùng có trong không khí xâm nhập vào niêm mạc hô hấp khi chó hít thở.
- Chó ăn phải virus có trong thức ăn và nước uống

Phát hiện bệnh

Có thể căn cứ vào các triệu chứng đặc trưng của chó bệnh để đoán bệnh:

- Các dấu hiệu ở đường hô hấp, ở cơ quan tiêu hoá và trạng thái thần kinh như đã mô tả trên để đoán bệnh.

- Dùng kháng sinh điều trị bệnh không hiệu quả.

Điều trị

Hiện không có thuốc điều trị bệnh.

Đối với chó nghiệp vụ và chó cảnh quý có thể được điều trị kháng huyết thanh, nhưng chỉ có tác dụng trong giai đoạn đầu của bệnh.

Phòng bệnh

Tiêm vaccin phòng bệnh sài sốt cho chó theo định kỳ 8-12 tháng lần. Hiện có 2 loại vaccin nhược độc đang được sử dụng là: vaccin đơn giá chỉ phòng bệnh sài sốt, vaccin đa giá cùng lúc phòng bệnh sài sốt và các bệnh khác như: bệnh dại, bệnh ỉa chảy do siêu trùng, bệnh viêm gan do siêu trùng.

Phát hiện sớm chó bệnh để điều trị: nếu là chó nghiệp vụ và chó cảnh quý thì điều trị bằng kháng huyết thanh, còn chó nội thì tiêu diệt và chôn với vôi bột.

Thực hiện vệ sinh chuồng nuôi và khu vực chăn nuôi, định kỳ phun thuốc sát trùng (HanIodin 5^o/₁₀₀; virkon 5^o/₁₀₀).

3. BỆNH GIUN MÓC Ở CHÓ

Bệnh giun móc chó phân bố rộng ở khắp nơi trên thế giới. Bệnh ở chó gây ra do giun móc với các dấu hiệu đặc trưng: viêm ruột và chảy máu ruột, làm chó chết nhiều.

Ở nước ta, bệnh thấy ở chó khắp các tỉnh từ Bắc đến Nam.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do giun móc là loài giun rất nhỏ, chỉ dài 8-12mm ký sinh ở ruột non chó. Giun móc có 3 cặp răng sắc nhọn, bám vào thành ruột non chó để hút máu gây ra các tổn thương, từ đó vi khuẩn xâm nhập vào ruột gây viêm ruột chảy máu.

Giun sống ở ruột non, đẻ trứng ở đó. Trứng theo phân ra ngoài nở thành ấu trùng khi gặp điều kiện thuận lợi. Chó nuốt phải ấu trùng có trong thức ăn, nước uống, ấu trùng vào ruột sẽ phát triển thành giun trưởng thành, gây ra bệnh giun móc ở chó.

Triệu chứng

Chó bị bệnh giun móc ở hai thể:

- *Thể bệnh cấp tính*: thường gặp ở chó non từ 1-4 tháng tuổi. Chó thể hiện: nôn mửa liên tục do ấu trùng móc răng vào ruột để hút máu, chó ăn kém hoặc bỏ ăn, sau đó ỉa chảy, phân lỏng lẫn máu mầu như bã cà phê và có mùi tanh. Vi khuẩn có sẵn trong ruột xâm nhập vào chỗ tổn thương do giun móc, làm cho viêm ruột nặng hơn. Bệnh tiến triển nhanh, chó bệnh chết sau 3-4 ngày với tỷ lệ cao (70-100% chó bệnh).

- *Thể bệnh mãn tính*: thường gặp ở chó từ 6 tháng tuổi đến trưởng thành. Các triệu chứng bệnh giống như chó bị bệnh cấp tính, nhưng nhẹ hơn và kéo dài. Chó bị nôn mửa, ỉa chảy phân có máu từng đợt 4-5 ngày, sau đó trở lại bình thường. Ít lâu sau, hiện tượng nôn mửa, ỉa chảy lại tái phát, làm cho chó gầy yếu, thiếu máu kéo dài. Chó sẽ chết do kiệt sức sau 2-3 tháng bị bệnh.

Bệnh tích

Mổ khám chó bệnh, thấy: có nhiều giun móc bám chắc vào

niêm mạc ruột non, các vết bám của giun gây tổn thương thành ruột và chảy máu liên tục.

Cách lây lan

Bệnh lây nhiễm do 2 cách:

- Ấu trùng giun móc chui qua da, vào máu, máu đưa ấu trùng về ruột và ấu trùng phát triển thành trưởng thành.
- Chó nuốt phải ấu trùng có trong thức ăn và nước uống và ấu trùng vào ruột trực tiếp, phát triển thành giun trưởng thành.

Phát hiện bệnh

Các dấu hiệu ở chó bệnh giúp cho việc đoán bệnh: chó nôn mửa, ỉa chảy, phân có máu mầu nâu sẫm như bã cà phê, chó gầy yếu và thiếu máu.

Để xác định bệnh, cần kiểm tra phân tìm trứng giun móc dưới kính hiển vi.

Điều trị

Điều trị bằng cách tẩy giun bằng một trong 2 hoá dược sau:

- Mebendazole (Vermox, Mebenvét): dùng liều 100 mg/kg thể trọng, liều thuốc chia làm 2 lần, cho chó uống vào hai buổi sáng trước khi cho ăn.

- Lopatol: dùng liều 50 mg/kg thể trọng, cho chó uống vào buổi sáng trước khi cho ăn.

Cần phối hợp điều trị hiện tượng ỉa chảy và chảy máu ruột:

- Bisepton: dùng liều 50 mg/kg thể trọng, dùng liên tục 3-4 ngày.
- Vitamin K, vitamin C: tiêm cho chó liên tục 3-4 ngày.

Phòng bệnh

Tẩy giun móc định kỳ cho chó, cứ 3-4 tháng/lần bằng 1 trong 2 hoá dược trên.

Thực hiện vệ sinh chuồng nuôi và nơi chăn thả chó.

Hạn chế trẻ em tiếp xúc với chó, sau đó phải rửa tay sạch sẽ để hạn chế lây nhiễm bệnh giun móc.

4. BỆNH GHẼ BAO LÔNG Ở CHÓ

Bệnh ghẻ bao lông là một bệnh thường gặp ở tất cả giống chó mà tác nhân gây bệnh là loài ghẻ nằm sâu trong bao lông gây viêm da lở loét ở chó.

Ở nước ta bệnh thấy ở khắp nơi.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do loài ghẻ sống trong bao lông của da chó.

Ghẻ trưởng thành đục khoét phá hoại lớp bao lông, lấy chất dinh dưỡng ở đó để phát triển. Ghẻ trưởng thành đẻ trứng trong các đường rãnh do chúng tạo ra, trứng phát triển qua hai giai đoạn ấu trùng để trở thành ghẻ trưởng thành mất khoảng 10-14 ngày.

Triệu chứng

Chó bệnh thể hiện:

- Trên mặt da chó có những đám mụn đỏ, sau mọng nước, rồi vỡ loét da, đóng vảy nâu, rồi lại lan ra đám da khác. Đám da ghẻ thường thấy ở khắp nơi trên mặt da: quanh mắt, tai, mõm, lông, đùi,...

- Mụn nước ăn sâu vào lớp bao lông, gây nhiễm trùng có mủ, ấn tay vào có dịch mủ chảy ra.

- Nơi da gẻ, lông chó bị rụng trụi từng đám, lở loét đỏ, rỉ nước vàng, làm cho chó ngứa ngáy và gãi liên tục.

Bệnh tích

Ghẻ gây ra các đám lở loét sâu trong đám bao lông và gây viêm mủ da.

Cách lây lan

Bệnh lây lan trực tiếp do chó khoẻ tiếp xúc với chó bệnh, bị nhiễm trứng hoặc ấu trùng của chó bệnh thải ra ngoài do dịch mủ từ đám da gẻ.

Phát hiện bệnh

Các đám da lở loét, chảy mủ, rụng trụi lông làm cho chó ngứa liên tục là dấu hiệu giúp cho việc xác định bệnh.

Để xác định bệnh, người ta cũng kiểm tra dịch mủ từ đám da gẻ để tìm trứng, ấu trùng và gẻ trưởng thành.

Điều trị

Thuốc điều trị ghẻ: dùng 1 trong 2 hoá dược sau:

- Tactic: (Amitaz) bôi vào đám da gẻ, trước khi bôi cần tắm cho chó để khô nước, có rọ mõm chó khi dùng thuốc, mỗi lần bôi không quá 1/3 mặt da của chó để tránh ngộ độc, dùng thuốc liên tục 6-7 ngày.

- Hammetin: (Ivermectin, Ivomec) dùng liều 0,2 mg/kg thể trọng, tiêm cho chó 5 lần, mỗi lần cách nhau 1-2 ngày.

Phòng bệnh

Phát hiện sớm chó bị ghẻ, cách ly và điều trị kịp thời.

Thường xuyên tắm chải cho chó.

Thực hiện vệ sinh chuồng trại và môi trường nuôi chó, có định kỳ phun thuốc sát trùng (Hạn Iodin 5‰; dung dịch xút 3% để diệt mầm bệnh).

BỆNH Ở MÈO

1. BỆNH VIÊM PHỔI Ở MÈO

Bệnh viêm phổi là một bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn gây viêm phổi, thường xảy ra khi thời tiết chuyển (từ ấm áp sang lạnh ẩm từ cuối thu sang đông và đầu mùa xuân).

Bệnh viêm phổi làm cho mèo bị chết nhiều, đặc biệt là mèo non từ 1-3 tháng tuổi.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do vi khuẩn gây viêm phổi ở mèo. Bình thường có một số mèo có mang vi khuẩn ở đường hô hấp, nhưng không có dấu hiệu của bệnh. Khi thời tiết lạnh ẩm, sức khỏe của mèo giảm thấp và vi khuẩn gây bệnh cho mèo, làm chết mèo.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh từ 3-5 ngày.

Mèo bệnh thể hiện: sốt cao $39,5^{\circ}\text{C}$ - 41°C liên tục 3-4 ngày, chảy nước mắt, nước mũi liên tục, nằm bệt một chỗ, ăn ít hoặc bỏ ăn, thở khó và ho tăng dần, sau 4-5 ngày, mèo thở khò khè, mỗi lần ho khạc có mủ chảy từ mũi và miệng mèo.

Mèo non từ 1-3 tháng, bệnh tiến triển nhanh và nặng, làm mèo chết sau 4-6 ngày. Mèo trưởng thành bệnh kéo dài 10-12 ngày, làm cho mèo gầy dộc, suy nhược và thường chết do không thở được và kiệt sức.

Bệnh tích

Mổ khám mềo bệnh, thấy phế quản và phổi có viêm tụ mầu và nhiều dịch mủ.

Cách lây lan

Bệnh lây lan qua 2 đường:

- Do mềo hít thở không khí có vi khuẩn, vi khuẩn vào phổi gây bệnh.

- Do mềo nuốt phải vi khuẩn có trong nước uống và thức ăn, vi khuẩn vào máu, về phổi và gây bệnh.

Phát hiện bệnh

Các dấu hiệu đặc trưng ở mềo bệnh giúp cho chẩn bệnh: sốt cao, thở khó và ho tăng dần, miệng và mũi mềo có dịch mủ khi ho.

Điều trị

Thuốc điều trị:

- Dùng phối hợp Pênicillin với liều 50.000 đơn vị/kg thể trọng và Kanamycin với liều 30 mg/kg thể trọng, dùng thuốc phối hợp tiêm liên tục 4-5 ngày liền.

- Có thể thay thế Pênicillin bằng Ampicillin liều dùng 50 mg/kg thể trọng, Kanamycin thay bằng Gentamycin với liều 4 đơn vị/kg thể trọng.

Chú ý: Không được dùng Gentamycin trong cùng ống tiêm với Pênicillin, Kanamycin, Ampicillin, vì sẽ kết tủa, mất tác dụng của thuốc.

Thuốc trợ sức: tiêm Cafêin, vitamin B1, vitamin C; truyền sinh lý mặn (9%_(x1)) và sinh lý ngọt (5%) khi mèo ăn ít hoặc bỏ ăn.

Chăm sóc: cho mèo nằm ổ ấm, tránh gió lùa, nuôi dưỡng mèo bằng thức ăn đủ chất bổ mà mèo thích ăn (cá, thịt, tôm).

Phòng bệnh

Phát hiện sớm mèo bệnh, cách ly điều trị kịp thời, hạn chế lây bệnh sang mèo khỏe.

Khi thời tiết trở lạnh cần làm ổ ấm cho mèo nằm.

Nuôi dưỡng mèo với thức ăn tốt và chăm sóc mèo chu đáo.

2. BỆNH GIUN ĐƯA Ở MÈO

Bệnh giun đũa rất phổ biến ở mèo gây ra do giun đũa, phân bố rộng ở tất cả vùng sinh thái ở nước ta. Bệnh thường ở mèo con lứa tuổi 1-3 tháng gây yếu, gây tắc ruột và làm chết mèo.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do giun đũa ký sinh ở ruột non của mèo gây ra.

Giun đũa có kích thước lớn: có thể dài 18-20cm, có màu trắng đục hoặc trắng hồng.

Giun cái trưởng thành đẻ trứng ở ruột non mèo, trứng theo phân ra ngoài phát triển ấu trùng ở trong trứng. Mèo bị nhiễm giun do nuốt phải trứng giun đã có ấu trùng trong thức ăn và nước uống.

Triệu chứng

Mèo bị bệnh giun đũa thường bị nhiễm từ vài chục đến vài trăm giun trong một mèo. Mèo bệnh thể hiện: ăn kém, bụng to, thỉnh thoảng lên cơn đau bụng: kêu gào, lăn lộn một lúc rồi lại trở

lại bình thường. Mèo gầy yếu, suy nhược dần, đôi khi có đi ỉa lỏng, nhưng rất khó phát hiện, vì mèo thường giấu phân. Thỉnh thoảng, giun tòi ra hậu môn của mèo. Mèo bị nhiễm giun nặng có thể bị tắc ruột hoặc bị giun chọc thủng ruột và chết đột ngột.

Cách lây lan

Bệnh lây nhiễm chủ yếu qua đường tiêu hoá do mèo ăn phải trứng giun đã phát triển thành ấu trùng bên trong.

Phát hiện bệnh

Các dấu hiệu ở mèo nhiễm giun giúp cho việc đoán bệnh: mèo gầy còm, ốm yếu, kém ăn, bụng to, thỉnh thoảng có giun tòi ra ở hậu môn.

Điều trị

Dùng 1 trong 3 hoá dược sau tẩy giun đũa cho mèo:

- Levamisol: dùng liều 12-15 mg/kg thể trọng, cho mèo uống thuốc hoặc trộn thuốc vào thức ăn, tẩy 1 liều.

- Piperazin: dùng liều 0,3 g/kg thể trọng, trộn thuốc với thức ăn cho mèo ăn vào buổi sáng trước khi cho ăn.

- Ivermectin: (Ivermectin) tiêm cho mèo theo liều 0,2 ml/kg thể trọng.

Phòng bệnh

Tẩy dự phòng cho mèo con 2 lần: lần 1 khi mèo con được 24-30 ngày tuổi, lần thứ 2 khi mèo con 45 ngày tuổi bằng Piperazin hoặc Levamisol (xem phần điều trị).

Thực hiện tốt vệ sinh môi trường sống của mèo.

3. HỘI CHỨNG NGỘ ĐỘC THUỐC DIỆT CHUỘT

Mèo thường ngộ độc các loại thuốc diệt chuột vì mèo bắt phải chuột và ăn thịt chuột đã bị ngộ độc thuốc chuột hoặc mèo ăn phải thức ăn đã trộn thuốc chuột còn lại sau khi đánh bả chuột. Mèo ngộ độc thuốc chuột chết rất nhanh nếu không được cứu chữa kịp thời.

Các loại thuốc diệt chuột

Có nhiều loại thuốc diệt chuột, nhưng thường gặp mèo ngộ độc do 2 loại thuốc chuột phosphua kẽm, thuốc diệt chuột Trung Quốc.

Triệu chứng của mèo ngộ độc

Thời gian từ lúc ăn phải thuốc chuột đến khi mèo có dấu hiệu ngộ độc tùy thuộc vào loại thuốc độc và lượng thuốc mà mèo ăn phải, thường từ 1-2 giờ sau.

Mèo thể hiện: đầu tiên đi lại bồn chồn, chảy rãi rớt, ngơ ngác, kêu nhiều một cách bất thường, sau đó mèo nôn mửa liên tục, chảy nhiều rãi rãi trắng như bột xà phòng hai bên mép, đôi khi mèo nôn ra dịch vàng (lẫn nước mật) và dịch mầu hồng (chảy máu dạ dày), thở khó tăng dần, tim đập rất nhanh (trên 100 nhịp/phút), nằm lăn lộn, giãy giụa và kêu gào thảm thiết, một số mèo ỉa lỏng và phân có máu do chảy máu ruột, chân co giật,... Kết thúc, mèo yếu dần, chân co cứng và chết trong tình trạng truy tìm mạch sau thời gian từ 1-3 giờ.

Bệnh tích

Mổ khám mèo bệnh, thấy niêm mạc dạ dày có tụ huyết và xuất huyết do tác động của thuốc chuột.

Phát hiện bệnh

Căn cứ theo các dấu hiệu ngộ độc của mèo như mô tả trên.

Có đợt đánh bả chuột ở làng xóm hoặc ở khu phố cùng thời gian mèo có biểu hiện ngộ độc.

Điều trị

Thực hiện các bước sau:

- Bước 1: giải độc cho mèo bằng rửa ruột. Cách làm: dùng nước sinh lý 9‰, đun tới nhiệt độ 38°C, dùng một ống cao su nhỏ (dài 20cm) nhẹ nhàng luồn qua miệng vào dạ dày mèo, dùng ống tiêm 20ml để bơm nước sinh lý vào dạ dày mèo khoảng 100ml thì lại nhẹ nhàng rút ra. Tiến hành như vậy từ 2-3 lần sẽ làm chất độc thải ra ngoài.

- Bước 2: trợ sức cho mèo: truyền dung dịch nước sinh lý 9‰, nước đường đẳng trương 5% theo liều: 40-50 ml/1kg thể trọng mèo, tiêm cafêin, vitamin B1.

- Bước 3: giảm co thắt ruột: tiêm Atropin theo hướng dẫn của bác sĩ thú y (1/3ml cho 1kg thể trọng mèo, tiêm vitamin K chống chảy máu).

- Bước 4: cho mèo uống than hoạt tính để tiếp tục hút chất độc trong đường tiêu hoá của mèo, cho mèo uống Bisepton với liều 100 mg/kg thể trọng để chống viêm ruột thứ phát.

Phòng ngừa ngộ độc thuốc chuột

Khi đánh thuốc chuột ở làng xóm hoặc khu phố thì phải thông báo để các hộ gia đình nhốt mèo lại, phải nhốt mèo sau 2-3 hôm đánh thuốc chuột.

Thức ăn có trộn thuốc chuột còn thừa lại phải dọn sạch và tiêu hủy, chôn sâu hoặc cho vào hệ thống cống ngầm.

BỆNH Ở GIA CẦM

1. BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG GIA CẦM

Bệnh tụ huyết trùng là một bệnh truyền nhiễm chung của gà, vịt, ngan, ngỗng, gà tây,... và các loài chim trời. Bệnh xảy ra quanh năm ở các địa phương, nhưng thường phát sinh các ổ dịch vào các tháng nóng ẩm, mưa nhiều từ tháng 7 đến tháng 9 ở các tỉnh phía Bắc nước ta.

Gia cầm bị bệnh chết rất nhanh và chết với tỷ lệ cao (90-100% gia cầm bệnh).

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do vi khuẩn tụ huyết trùng. Gà, vịt khỏe cũng có một số mang vi khuẩn trong đường hô hấp. Khi thời tiết thay đổi, sức khỏe của gia cầm giảm thấp, vi khuẩn mới gây bệnh và giết hại gia cầm. Vi khuẩn có thể tồn tại từ 2-4 tuần lễ ở những nơi ẩm ướt, thiếu ánh sáng mặt trời.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh: từ 6-24 giờ.

Các loài gia cầm bị bệnh thể hiện:

- Ở gà: đầu tiên, gà ăn kém, ít hoạt động, sau đó mào đỏ tím rất nhanh, chảy nước mũi, nước mắt, điều căng phồng thức ăn không tiêu, thở khó tăng dần, mỗi lần thở gà phải nghiêng cổ, há mỏ, gà cũng ỉa phân lỏng, màu xanh vàng.

Bệnh tiến triển rất nhanh, từ lúc có dấu hiệu lâm sàng đầu tiên

đến lúc gà chết khoảng từ 6 giờ đến 24 giờ. Một số gà đột ngột kêu quang quác, giãy giụa một lúc rồi chết mà trước đó không thể hiện các triệu chứng của bệnh.

- Ở vịt: vịt cũng có các dấu hiệu lâm sàng giống gà. Đầu tiên, vịt ăn kém, ít hoạt động, mắt nhắm, nằm một chỗ, điều căng không tiêu, uống nước nhiều, thở rất khó khăn, sau đó lăn ra, dãy chết. Thời gian từ lúc có triệu chứng bệnh đến lúc chết cũng tương tự như ở gà. Có những đàn vịt đang kiếm ăn ở ngoài đồng bỗng nhiên giãy giụa, kêu ầm ĩ rồi lăn ra chết hàng loạt giống như hiện tượng ngộ độc thức ăn.

- Ở ngan: các dấu hiệu lâm sàng ở ngan bệnh cũng tương tự ở vịt.

Bệnh tích

Mổ khám gia cầm bệnh, thấy các phủ tạng lách, phổi đều tụ máu đỏ xẫm, đặc biệt, gan sưng đỏ xẫm, trên mặt gan có nốt hoại tử trắng như đầu đinh ghim, bao tim có chứa dịch vàng.

Cách lây lan

Bệnh lây truyền qua đường tiêu hoá do gia cầm khoẻ ăn phải vi khuẩn có trong thức ăn và nước uống.

Phát hiện bệnh

Các dấu hiệu lâm sàng giúp cho việc định bệnh: gia cầm chết rất nhanh với tỷ lệ cao, các phủ tạng đều bị tụ huyết nặng, gan sưng có hoại tử lấm tấm trắng, bao tim có dịch vàng.

Điều trị

Thuốc điều trị: phối hợp 2 loại kháng sinh sau đây:

- Streptomycin: liều dùng 50 mg/kg thể trọng (1 lọ Streptomycin dùng cho 20kg thể trọng gà), tiêm thuốc vào bắp

thịt cho gà, thời gian sử dụng thuốc 3-4 ngày liên.

- Esb3: pha 2g với 01 lít nước đun sôi đã để nguội cho gà uống liên tục 3-4 ngày liên.

Chú ý: có thể thay Streptomycin bằng Kanamycin, thay Esb3 bằng Sulfathiazol (loại tan trong nước).

- Thuốc trợ sức: cho gia cầm uống dung dịch điện giải hoặc Oresol (theo hướng dẫn trong gói thuốc) và prêmix vitamin.

Trong đàn gia cầm có một số con phát bệnh thì phải điều trị dự phòng toàn đàn.

Phòng bệnh

Tiêm vaccin phòng bệnh tụ huyết trùng cho gà, vịt, ngan, ngỗng, gà tây ở khu vực thường xảy ra bệnh tụ huyết trùng.

Chú ý: chỉ tiêm cho gia cầm từ 4 tuần tuổi trở lên và gia cầm khỏe mạnh.

- Phát hiện sớm gia cầm bệnh cách ly, điều trị kịp thời.
- Không mổ và ăn thịt gà chết mà phải chôn sâu có rắc vôi bột.
- Thực hiện vệ sinh chuồng nuôi và khu vực chăn thả gà, định kỳ có sử dụng thuốc sát trùng (Hán Iodin, Virkon, nước vôi 10%).

2. BỆNH TOI GÀ NIUCATXON

Bệnh Niucatxon (NCX) là một bệnh truyền nhiễm phổ biến ở gà do siêu vi trùng NCX, lây lan nhanh trong đàn gà. Các ổ dịch xảy rải rác quanh năm nhưng tập trung vào vụ đông xuân, gây nhiều thiệt hại kinh tế cho chăn nuôi gà đặc biệt là ở vùng núi và trung du.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do siêu vi trùng Niucátxon. Siêu vi trùng NCX gây trạng thái bệnh lý ở đường hô hấp, bộ máy tiêu hoá và hệ thống thần kinh. Gà bệnh thải siêu vi trùng ra môi trường tự nhiên qua phân có thể tồn tại được từ vài ngày đến 2 tuần trong điều kiện ẩm ướt, thiếu ánh sáng mặt trời.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh của gà: từ 1 đến 4 ngày.

Gà bệnh có các triệu chứng sau:

- *Triệu chứng hô hấp*: gà thở khó, khi thở phải há mỏ, nghén cổ, đôi khi kêu “tắc o”, mào tím tái, chảy nhiều dịch mũi và nước rãi đặc quánh. Bệnh nặng, gà sẽ chết do suy hô hấp sau 5-8 ngày.

- *Triệu chứng thần kinh*: gà đi run rẩy, xiêu vẹo, cổ bị ngoẹo sang một bên nên khi mổ, thức ăn thường khó khăn, không đúng vị trí để thức ăn. Khi có tiếng động mạnh, gà bị kích động lăn quay, rầy dựa từng cơn.

- *Triệu chứng tiêu hoá*: gà ăn ít hoặc bỏ ăn, uống nước nhiều, điều chướng to, sờ thấy lồng bóng, dốc ngược gà có nhiều dịch trắng đục chảy ra, gà ỉa lỏng, phân trắng có mùi rất tanh như cứt cò.

Gà bệnh thường thể hiện đủ 3 loại triệu chứng kể trên, nhưng tùy từng cá thể mà triệu chứng có thể ưu thế về hô hấp, tiêu hoá hay thần kinh. Gà 1-2 tháng tuổi bị bệnh nặng ở đường tiêu hoá và chết sau 4-7 ngày. Gà trưởng thành bị bệnh thể hiện nhiều các triệu chứng thần kinh. Một số ít gà có thể khỏi bệnh, nhưng suốt đời mang di chứng thần kinh (ngoẹo cổ, đi lại khập khiễng).

Bệnh tích

Mổ khám gà bệnh, thấy niêm mạc họng và hậu môn có nhiều chấm xuất huyết đỏ lấm tấm, ruột bị tróc niêm mạc từng mảng và tụ máu, đặc biệt niêm mạc dạ dày tuyến (cuống mề) có từng đám tụ máu đỏ như đầu đinh ghim.

Cách lây lan

Bệnh lây truyền chủ yếu qua đường tiêu hoá do gà ăn thức ăn hoặc uống nước bị nhiễm siêu vi trùng. Gà bệnh thải siêu vi trùng ra môi trường qua phân, nước mũi, nước rãi. Gà sau khi khỏi bệnh vẫn thải siêu vi trùng sau 15-30 ngày.

Phát hiện bệnh

Các dấu hiệu đặc trưng của gà bệnh giúp cho xác định bệnh: gà ỉa chảy phân trắng như cút cò, niêm mạc dạ dày tuyến có đám tụ máu lấm tấm đỏ như đầu đinh ghim.

Điều trị

Hiện chưa có kháng sinh và hoá dược điều trị được bệnh. Do vậy gà bệnh sau khi phát hiện phải hủy bỏ, chôn sâu có đồ thuốc sát trùng (vôi bột, dung dịch xút 3%).

Phòng bệnh

Tiêm vaccin phòng bệnh Niucatxon cho gà theo quy trình tiêm 2 lần: lần 1 khi gà 7-10 ngày tuổi, nhỏ vaccin Laxôta vào mắt, mũi cho gà (vaccin nhược độc đông khô pha với nước cất theo tỷ lệ 1/200).

Lần 2 khi gà 30-45 ngày: chủng vaccin Niucatxon hệ I vào dưới da cánh cho gà (vaccin nhược độc đông khô pha với nước cất theo tỷ lệ 1/200).

Thực hiện vệ phòng bệnh: giữ chuồng khô sạch, thoáng mát mùa hè, kín ấm mùa đông, định kỳ phun thuốc sát trùng nước vôi 10% protex 1%, VIME Iodin 5%₍₁₀₎).

Khi có dịch, không mua gà về nuôi và cũng không bán chạy gà ốm ra chợ để hạn chế sự lây lan của bệnh.

3. BỆNH CÚM GÀ

Bệnh cúm gà là một bệnh truyền nhiễm gây ra do các chủng siêu vi trùng cúm nhóm A chung của các loài gia cầm: gà, vịt, gà tây, ngan, ngỗng, chim cút,... của các loài chim hoang dã và một số loài thú: lợn, ngựa, báo,... Bệnh có thể lây sang người.

Từ cuối năm 2003 và đầu năm 2004, bệnh cúm gà đã xảy ra trên quy mô lớn thuộc 10 nước châu Á, trong đó có Việt Nam.

Riêng ở Việt Nam cũng trong thời gian trên dịch cúm gà đã xảy ra ở 57/64 tỉnh thành, làm chết và phải tiêu hủy 43 triệu gia cầm gồm: gà vịt, ngan, ngỗng, bồ câu, chim cút, gây thiệt hại khoảng 1.000 tỷ đồng và lây bệnh sang 74 người, làm 23 người chết.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do các chủng siêu vi trùng cúm thuộc nhóm A. Ở nước ta, siêu vi trùng gây bệnh cúm gia cầm được xác nhận là chủng H₅N₁. Siêu vi trùng cúm có thể tồn tại ở môi trường tự nhiên từ 3 ngày đến 30 ngày, bị diệt dưới ánh nắng mặt trời và nhiệt độ 70°C.

Trong tự nhiên, vịt, ngỗng và các loài thủy cầm hoang có thể mang siêu vi trùng mà không có dấu hiệu lâm sàng.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh: từ 3 giờ đến 03 ngày.

Gà bệnh thể hiện các dấu hiệu lâm sàng sau: nhiệt độ tăng cao (46°C), thở mạnh và thở khó, khi thở phải nghe cổ há miệng, kêu “tắc o” do thanh quản sưng to, nước mắt và dịch mũi chảy liên tục, dịch mũi nhiều, đặc và nhầy, đôi khi có lẫn máu, đầu gà bị sưng, đặc biệt mào và tích (mào dưới) sưng thũng, đỏ tím, đôi khi sưng cả vùng cổ và ngực. Gà ỉa chảy nặng, phân lơ lơ xanh vàng, có mùi tanh. Bệnh tiến triển rất nhanh và nặng. Gà con 1-3 tháng tuổi bị bệnh sẽ chết sau 1-3 ngày với tỷ lệ 100%. Gà mái đang đẻ bị bệnh sẽ ngừng đẻ và chết sau 5-6 ngày với tỷ lệ 80-100%.

Bệnh ở vịt, ngan cũng có các triệu chứng tương tự như ở gà, nhưng phần lớn bị bệnh nhẹ hơn gà. Một số thủy cầm và chim hoang dã bị nhiễm siêu vi trùng cúm, nhưng ở trạng thái mang trùng (không có dấu hiệu lâm sàng).

Bệnh tích

Mổ khám gà bệnh thấy da bị đỏ từng mảng, xuất huyết dưới da chân và lớp cơ dưới da, các phủ tạng: phổi, gan bị sưng và xuất huyết đỏ, dạ dày tuyến có xuất huyết lấm tấm đỏ giống như trong bệnh Niucatxon, lách sưng có các vết đỏ xen lẫn vết vàng.

Cách lây lan

Virut xâm nhập vào cơ thể gà chủ yếu qua niêm mạc đường hô hấp khi gà hít thở không khí có siêu vi trùng cúm.

Gà cũng có thể bị nhiễm siêu vi trùng qua đường tiêu hoá, do ăn phải siêu vi trùng trong thức ăn và nước uống.

Phát hiện bệnh

Căn cứ vào các dấu hiệu lâm sàng đặc trưng để đoán bệnh: bệnh lây lan rất nhanh, gà các lứa tuổi đều bị bệnh với tỷ lệ ốm và chết cao, các loài gia cầm và chim hoang dã đều có thể bị lây bệnh, gà chết bị xuất huyết đỏ dưới da và tất cả các phủ tạng, đặc biệt xuất huyết dưới da chân và niêm mạc dạ dày tuyến.

Điều trị

Chưa có thuốc điều trị bệnh cúm gà.

Phòng bệnh

Khi phát hiện dịch cúm gà thì toàn bộ gà ốm và gà trong vùng dịch đều phải tập trung tiêu hủy, chôn sâu dưới 2 lớp vôi bột hoặc đổ các thuốc sát trùng mạnh (Formol-3%; Iodine-5%).

Chuồng trại có gà bệnh phải tổng vệ sinh, đốt chất độn chuồng, phun thuốc sát trùng, để trống chuồng 01 tháng, hết dịch mới được nhập gà mới.

Quản lý nghiêm ngặt công tác kiểm dịch nội địa và xuất nhập khẩu để không cho siêu vi trùng xâm nhập vào nước ta và cũng không đưa siêu vi trùng sang nước khác.

Ở các khu vực có các ổ dịch cúm lưu hành trước kia cần phải tổ chức tiêm vaxcin phòng bệnh cúm cho đàn gia cầm khi được phép của Cục Thú y.

4. BỆNH GIUN Đũa GÀ

Bệnh giun đũa gà rất phổ biến ở gà chăn nuôi trong nông hộ thuộc các tỉnh trung du và miền núi nước ta cũng như các cơ sở nuôi gà tập trung theo phương thức công nghiệp và thả vườn các tỉnh vùng đồng bằng. Bệnh không làm chết gà hàng loạt như các

bệnh truyền nhiễm, nhưng làm cho gà giảm tăng trọng 30%, gây thiệt hại kinh tế cho người nuôi gà.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do giun đũa ký sinh ở ruột non của gà. Đây là loại giun tròn lớn ký sinh ở gà, kích thước: dài 7-12cm, màu trắng đục hoặc trắng hồng.

Giun đũa đẻ trứng ở ruột non gà, trứng theo phân ra ngoài, gặp điều kiện thuận lợi (nhiệt độ 18-30°C, ẩm ướt) sẽ phát triển thành ấu trùng bên trong trứng. Gà nuốt phải trứng giun có ấu trùng vào ruột, trứng nở ra ấu trùng và phát triển đến trưởng thành mất khoảng 40 ngày.

Triệu chứng

Gà trưởng thành nhiễm giun đũa thường ở thể bệnh nhẹ, không rõ triệu chứng, chỉ gây giảm tăng trọng và giảm sản lượng trứng so với gà bình thường.

Gà ở lứa tuổi 1-3 tháng nhiễm giun thể hiện: gầy yếu dần, chân khô, mào nhạt vì thiếu máu, lông xơ xác, rối loạn tiêu hoá. Một số gà bị nhiễm giun nặng còn xảy ra tai biến tắc ruột do có nhiều giun trong ruột, giun chọc thủng ruột, gây viêm màng bụng ở gà.

Bệnh tích

Mổ khám gà bệnh thấy ruột có giun đũa, niêm mạc ruột dày lên do viêm tăng sinh, đôi khi có tụ máu đỏ.

Cách lây lan

Bệnh lây lan qua đường tiêu hoá do gà nuốt phải trứng giun trong thức ăn, nước uống và trong môi trường tự nhiên.

Phát hiện bệnh

Để xác định bệnh, ta căn cứ vào trạng thái gầy yếu, suy nhược kéo dài ở gà, thỉnh thoảng gà thải phân có mang theo giun đũa.

Kiểm tra phân gà để tìm trứng giun đũa.

Điều trị

Tẩy giun cho gà bằng 1 trong các hoá dược sau:

- Piperazin: dùng liều 0,3 g/kg thể trọng gà, thuốc trộn với thức ăn cho gà ăn một lần.
- Tetramisol: dùng liều 40 mg/kg thể trọng gà, thuốc có thể pha nước cho gà uống trực tiếp hoặc trộn thức ăn cho gà.
- Mebenvet: dùng liều 60-100 mg/kg thể trọng gà, trộn thuốc với thức ăn cho gà.

Phòng bệnh

Tẩy giun đũa cho đàn gà theo định kỳ 4 tháng/lần.

Thực hiện vệ sinh thú y: giữ chuồng trại và nơi chăn thả gà sạch sẽ khô ráo, định kỳ phun thuốc diệt trứng giun như: dung dịch xút 5%.

Nuôi dưỡng tốt gà để nâng cao sức đề kháng với bệnh.

5. BỆNH DỊCH TẢ VỊT

Bệnh dịch tả vịt là một bệnh truyền nhiễm đường tiêu hoá của vịt gây ra do siêu vi trùng, thường xảy ra quanh năm ở các vùng nông thôn rộng lớn ở nước ta, gây nhiều tổn thất về kinh tế cho người nuôi vịt ở các tỉnh miền núi và trung du phía Bắc, bệnh dịch tả vịt xuất hiện nhiều vào mùa xuân ẩm ướt và mùa thu mưa nhiều.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do siêu vi trùng dịch tả vịt. Siêu vi trùng có thể tồn tại ở môi trường tự nhiên từ 1-4 tuần. Một số loài thủy cầm hoang như: vịt trời, le le mang siêu vi trùng dịch tả thả siêu vi trùng vào môi trường nước, vịt ngang sống trong môi trường nước bị ô nhiễm siêu vi trùng dịch tả vịt sẽ phát sinh bệnh.

Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh của vịt từ 1-3 ngày.

Vịt bệnh thể hiện: đầu tiên đứng ủ rũ, đầu rúc vào cánh, ăn ít hoặc bỏ ăn, uống nước nhiều, đầu và mắt bị sưng, chảy nước mắt và dịch mũi. Sau đó, vịt ỉa chảy dữ dội, phân lỏng xám xanh, xám vàng mùi tanh khắm, vịt gầy xơ xác rất nhanh, cuối cùng bị liệt chân, xà cánh và chết trong tình trạng kiệt sức.

Bệnh tiến triển nhanh làm cho vịt chết sau 2-5 ngày bị bệnh với tỷ lệ cao (100% vịt ốm).

Bệnh tích

Mổ khám vịt bệnh, thấy dưới da tụ huyết đỏ sẫm từng đám, sưng thũng dưới da vùng đầu, họng và niêm mạc hậu môn có lấm tấm tụ huyết đỏ, niêm mạc ruột bị tróc từng mảng và tụ huyết đỏ khắp chiều dài của ruột, ở vịt đẻ thấy buồng trứng non bị tụ máu, giập nát.

Cách lây lan

Bệnh lây truyền qua đường tiêu hoá do vịt ăn thức ăn hoặc uống nước có siêu vi trùng dịch tả vịt.

Vịt ở các lứa tuổi đều bị nhiễm siêu vi trùng và phát bệnh.

Phát hiện bệnh

Các dấu hiệu lâm sàng của vịt giúp cho việc đoán bệnh: bệnh lây lan rất nhanh ở vịt, ngan, vịt sưng thũng đầu, ỉa chảy rất nặng, phân xanh vàng, mùi tanh khắm, niêm mạc ruột bị tróc ra, bị xuất huyết, tụ huyết lan tràn, tỷ lệ vịt bệnh chết rất cao (100% vịt bệnh).

Điều trị

Không có thuốc điều trị bệnh.

Phòng bệnh

Tiêm vacxin phòng bệnh dịch tả vịt: vịt con 1-5 ngày tuổi phải tiêm ngay vacxin nhược độc. Ở những vùng có bệnh cần tiêm vacxin cho toàn đàn vịt theo định kỳ: 6 tháng/lần.

Phát hiện sớm vịt bệnh để xử lý (tiêu hủy, chôn sâu có đồ vôi bột) để tránh lây lan dịch.

Thực hiện vệ sinh chuồng trại và môi trường nuôi vịt, có định kỳ sử dụng thuốc sát trùng (VIME Iodin, Virkon, Protex,...).

6. BỆNH GIUN CHỈ VỊT

Bệnh giun chỉ ở vịt còn được gọi tên là: “bệnh bướu cổ vịt”, vì vịt bệnh thường có các u bướu ở hầu và ở cổ. Bệnh phổ biến ở các vùng chăn nuôi vịt ở nước ta. Bệnh không gây chết nhiều vịt, nhưng vịt bệnh thường gầy yếu, giảm tăng trọng 25-30% so với vịt khỏe, gây thiệt hại kinh tế cho người nuôi vịt.

Nguyên nhân

Bệnh gây ra do giun chỉ sống ký sinh ở dưới da của vịt, tạo ra các u bướu tập trung ở hầu và quanh cổ của vịt. U bướu đôi khi cũng thấy ở dưới da đùi của vịt.

Giun chỉ trưởng thành sống từng búi trong các u bướu, tạo ra các ổ viêm xơ hoá quanh các u bướu.

Triệu chứng

Vịt con 2-8 tuần tuổi bị nhiễm giun chỉ khi chần thả trên các cánh đồng trũng có nước. Vịt ăn phải các loài giáp xác có mang ấu trùng giun chỉ, ấu trùng vào ruột chui qua niêm mạc, vào máu, đến vùng dưới da hầu, quanh cổ và tạo ra các u bướu ở đó.

Vịt bệnh chết với tỷ lệ khoảng 10%. Tác hại của giun là tạo các u bướu chèn ép vùng họng, cản trở ăn uống và hô hấp, làm cho vịt gây yếu chậm lớn, giảm tăng trọng so với vịt khoẻ (30%).

Bệnh tích

Mổ khám các u bướu thấy có nhiều giun chỉ, dài, mảnh như sợi chỉ, màu trắng, cuộn lại từng búi, xung quanh các u bướu có tổ chức viêm xơ hoá.

Cách lây lan

Giun chỉ đẻ ấu trùng, ấu trùng chui ra khỏi u bướu được các loài bọ nước ăn phải. Chúng vào cơ thể bọ nước phát triển các giai đoạn ấu trùng ở đó.

Vịt nuốt phải giáp xác có ấu trùng giun chỉ sẽ bị nhiễm giun chỉ.

Phát hiện bệnh

Căn cứ để xác định vịt bệnh là: vịt có các u bướu dưới da vùng hầu và cổ.

Điều trị

Có 3 cách điều trị có thể ứng dụng:

+ Tiêm dung dịch thuốc tím (KMnO_4) 0,5% hoặc dung dịch Iodime 1% vào các u bướu của vịt. Giun chỉ sẽ bị chết bởi các dung dịch hoá chất trên và u bướu sẽ mất dần.

+ Sử dụng 1 trong 2 hoá dược chống ký sinh trùng sau:

- Mebendazol: 10% (Mebenvet): dùng liều cứ 1 gam thuốc cho 2kg thể trọng của vịt. Thuốc trộn với thức ăn cho vịt.

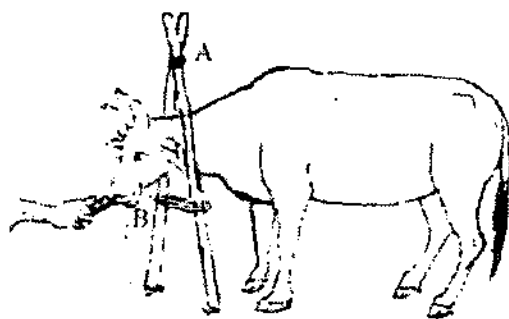
- Levamisol: 7,5% (5 ml/ống): tiêm dưới da theo liều 1 ml/kg thể trọng hoặc tiêm thẳng vào các u bướu.

Trong các vùng chăn nuôi vịt, người ta điều trị bệnh u bướu vịt bằng cách: bắt vịt mổ và bóc tách bỏ u bướu, sát trùng bằng dung dịch Iodime 1%. Cách điều trị này đơn giản và cũng đạt hiệu quả điều trị cao.

KỸ THUẬT THỰC HÀNH

1. CÁCH CỐ ĐỊNH VẬT NUÔI ĐỂ TIÊM

Đối với trâu bò: cần làm một giá cố định có thể là: Kẹp cổ đơn giản.



Hình 1. A, B kẹp cổ và 2 nút dây thắt

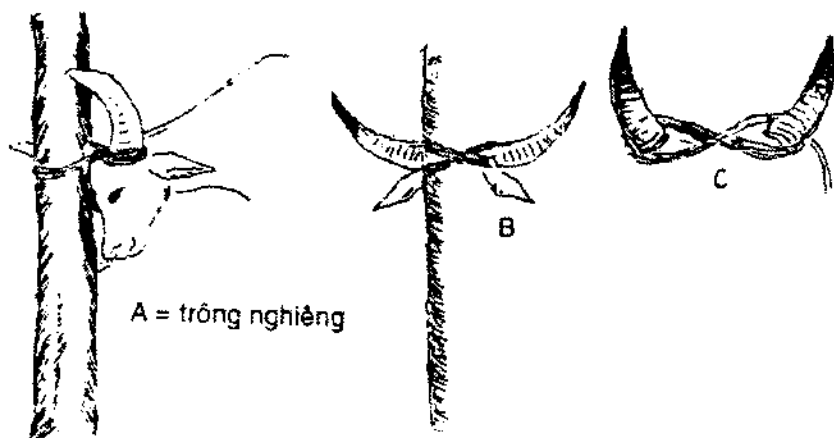
- Một cột cố định để buộc sừng theo hình số 8.
- Một chạc 2 của cây tự nhiên.
- Một giá bằng tre gỗ.

Cách kẹp cổ:

+ Chọn hai đoạn tre hoặc hai đoạn cây chắc chắn, chôn xuống đất chéo nhau, phía trên buộc lại, tạo ra một khe vừa đủ cho đầu trâu bò chui qua.

+ Khi cố định trâu bò cần thắt chặt dây ở hai nút A, B; có một người giữ thùng mũi trâu bò.

- Cột cố định và buộc sừng số 8 (h.2)



Hình 2. Cột cổ định theo hình số 8

A, B: Cột hình số 8 sừng trâu vào cột hoặc gốc cây

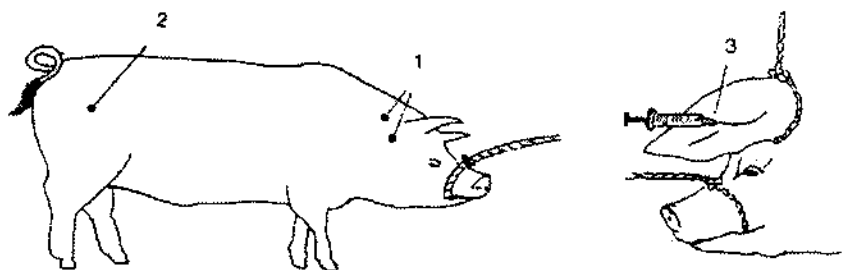
C: Cách cột thùng số 8.

2. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ TIÊM Ở VẬT NUÔI

a. Lợn (hình 3)

Tiêm bắp: vị trí hai bên mông chỗ nhiều thịt nhất, sau tai (phải ấn kim sâu).

Dùng loại kim ngắn 14G, 16G, 18G tùy theo lợn lớn hay bé.



Hình 3. Các vị trí tiêm cho lợn

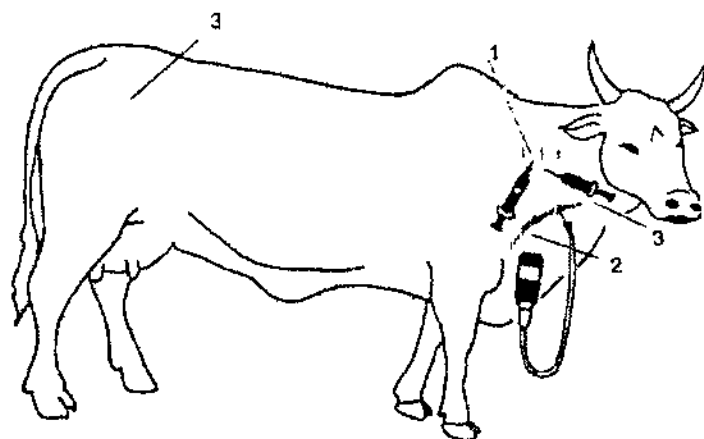
1. Tiêm dưới da; 2. Tiêm bắp thịt; 3. Tiêm tĩnh mạch tai

Tiêm dưới da: vị trí sau tai cách gốc tai khoảng 2 hay 3cm hoặc dưới da mặt trong đùi (hai bên).

b. Trâu bò (hình 4)

Tiêm bắp: chỗ bắp thịt hai bên mông hoặc hai bên cổ nhưng phải cắm kim sâu.

Tiêm dưới da: kéo nhẹ da ở vùng yếm hoặc vùng ngực, cạnh cổ hoặc trước vai thành nếp và cắm kim tiêm vào.



Hình 4. Các vị trí tiêm cho bò

1. Tiêm dưới da; 2. Tiêm tĩnh mạch cổ (hoặc tiếp nước); 3. Tiêm bắp

c. Gà (hình 5)

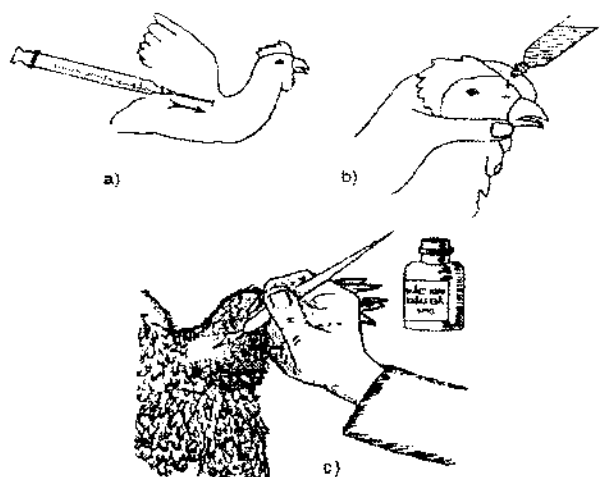
Tiêm bắp: dùng loại kim 20G, 22G, 24G.

Vị trí tiêm: bắp thịt lườn gà, hoặc cơ gốc cánh.

Tiêm dưới da: cánh, đầu cánh (gốc cánh).

Chọn chỗ da trùng nhất, kéo nhẹ da lên và cắm kim vào.

Chủng: nếu chủng cho gia cầm thì dùng ngòi bút để chủng, vị trí chủng cũng là vị trí tiêm dưới da.



Hình 5. Cách tiêm chủng cho gà

- a. Vị trí tiêm; b. Nhỏ mũi vắc xin Lasota cho gà;
c. Chủng vaccin đậu gà cho gà

3. SỬ DỤNG MỘT SỐ DỤNG CỤ THÚ Y

a. Sử dụng ống tiêm và kim tiêm

Bơm tiêm:

- Có nhiều loại và cỡ bơm tiêm khác nhau: loại bằng thủy tinh, bằng nhựa hoặc bằng thủy tinh bọc sắt, kích cỡ khác nhau: 2ml, 5ml, 10ml, 20ml,...

- Cấu tạo của một bơm tiêm gồm hai phần:

+ Xi lanh (vỏ bơm): để chứa thuốc.

+ Pít tông (cần đẩy, ruột bơm): để đẩy thuốc.

Đối với bơm tiêm thủy tinh bọc sắt thì ngoài hai phần chính đó ra còn thêm một số chi tiết gắn vào hai phần đó.

Có một số bơm tiêm tự động và bán tự động cho ra liều thuốc cố định.

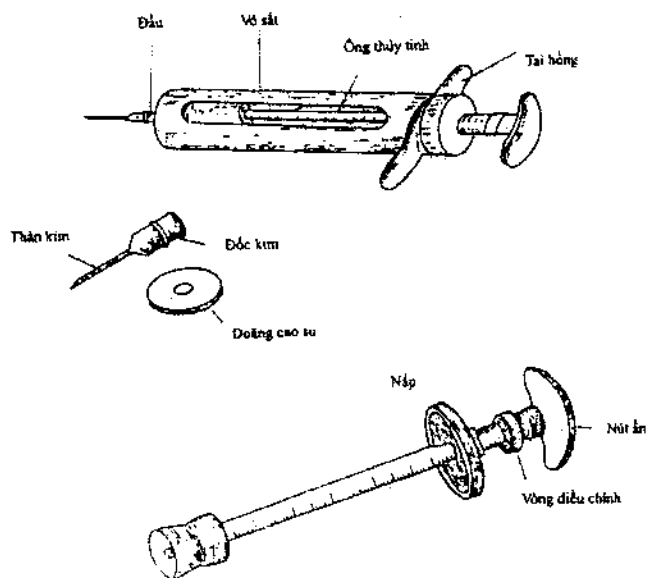
Kim tiêm gồm:

+ Đốc kim (cannyn, ămbu) là phần phình to của kim để gắn vào đầu bơm tiêm.

+ Thân kim: là phần tiếp theo của đốc kim.

Cách sử dụng và bảo quản:

Trước khi sử dụng tiêm phải tháo rời ra từng phần rồi vô trùng cùng với kim tiêm bằng cách đun trong nước sôi 5-10 phút hoặc có thể cho vào tủ, sấy hơi nóng ở 160°C trong 60 phút hoặc nổi hấp ướt ở 121°C trong 15 phút.



Hình 6: Bơm tiêm, kim tiêm và các bộ phận

b. Sử dụng nhiệt kế đo nhiệt độ

Việc sử dụng nhiệt kế rất cần thiết giúp cho ta biết được nhiệt độ của vật nuôi (thân nhiệt) do đó giúp ích nhiều cho công tác chẩn đoán bệnh, con vật bị bệnh sốt hay không. Nhiệt kế thường là một ống thủy tinh rỗng, dưới phình to chứa thủy ngân (hoặc chất lỏng khác). Trên có thang chia độ thường. Khi nóng thì thủy ngân giãn nở và dâng lên trong ống có thang chia độ.

Khi sử dụng nhiệt kế phải theo các thứ tự sau:

Lắc nhiệt kế đến khi chất lỏng tụt xuống đến phần cuối của thang chia độ.

Bôi vào đầu nhiệt kế (phần chứa thủy ngân hoặc chất lỏng) cồn hoặc vadolin.

Từ từ đưa sâu nhiệt kế vào hậu môn song song với sống lưng.

Để yên trong hậu môn ít nhất là 2-5 phút.



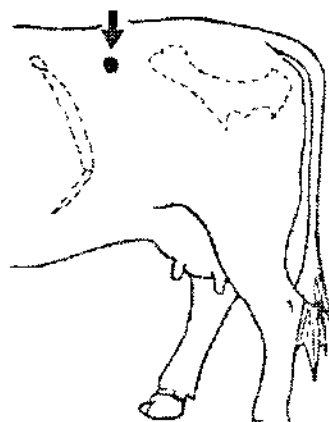
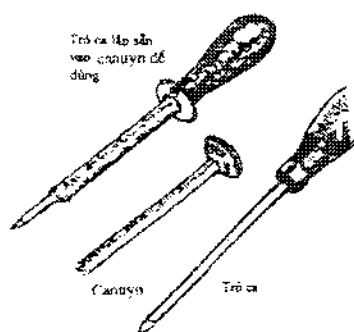
Hình 7. Cách đặt nhiệt kế vào trực tràng

Rút nhiệt kế ra đọc, ghi nhiệt độ.

Rửa sạch và sát trùng nhiệt kế, cho vào hộp bảo vệ.

c. Sử dụng Trôca

Trôca là dụng cụ dùng để chọc dạ cỏ trong bệnh chướng bụng



Hình 8a. Trôca lắp sẵn vào canuyn để dùng

Hình 8b. Vị trí chọc troca trong bệnh chướng hơi dạ con

đầy hơi của trâu, bò, dê, cừu, khi các biện pháp chữa khác không có hiệu quả (hơi trong dạ cỏ không thoát ra được). Trôca gồm hai phần: Trôca và canuyn (xem hình vẽ).

PHẦN III

XÂY DỰNG TỦ THUỐC THÚ Y Ở THÔN BẢN

Để thực hiện được việc điều trị và phòng bệnh cho gia súc và gia cầm kịp thời và có hiệu quả thì phải xây dựng tủ thuốc thú y ở thôn bản bao gồm một số dụng cụ thú y và một số thuốc thú y tối thiểu cần thiết có thể sử dụng bất cứ lúc nào.

1. MỘT SỐ DỤNG CỤ THÚ Y CẦN THIẾT.

TT	Tên dụng cụ	Quy cách	Số lượng cần
1	Ống tiêm 20ml	Loại vỏ sắt, TQ	02 cái
	Ống tiêm 10ml	Loại vỏ sắt, TQ	02 cái
	Ống tiêm 05ml	Loại vỏ sắt, TQ	02 cái
2	Ống tiêm 50ml	Loại thủy tinh, TQ	01 cái
	Ống tiêm 05ml	Loại thủy tinh, TQ	02 cái
3	Pince Kocher	Có gờ 15-20cm	02 cái
	Pince kẹp	Không gờ, 15cm	01 cái
4	Kéo thẳng	15-20cm	01 cái
5	Kéo cong	15-20cm	01 cái
6	Kim tiêm	Các cỡ (14G, 16G, 18G, 20G)	50 chiếc
7	Kim cong	Các cỡ	10 chiếc
8	Dao Mổ	20cm	02 chiếc
9	Khay men, Khay Inox	30 × 20cm	01 cái

TT	Tên dụng cụ	Quy cách	Số lượng cần
10	Khay men hoặc Inox vỏ đồ	20cm	01 cái
11	Hộp đựng dụng cụ Inox	20 × 15cm	01 cái
12	Hộp đựng kim	18 × 10cm	01 cái
13	Hộp đựng bông cotton Inox	phi 10cm	01 cái
14	Lọ thủy tinh có nút mài	100ml	01 cái
15	Lọ thủy tinh có nút mài	200ml	01 cái
16	Găng tay cao su bảo hộ	Cao su giấy hoặc vải bạt	01 đôi
17	Găng tay cao su mổ	Cao su mỏng	02 đôi
18	Túi đựng đồ nghề thú y	Giả da, có quai đeo	01 cái

2. MỘT SỐ THUỐC THÚ Y CẦN THIẾT

TT	Thuốc và vật liệu	Quy cách	Số lượng cần
1	Pênicillin bột	1.000.000 đơn vị/lọ	100 lọ
2	Ampicillin bột	1 g/lọ	100 lọ
3	Streptomycin bột	1 g/lọ	200 lọ
4	Kanamycin bột	1 g/lọ	100 lọ
5	Oxytetracyclin dung dịch	Loại LA, 10 ml/lọ	100 lọ
6	Bisepton (nội)	0,48 g/viên	200 viên
7	Ganidan	0,50 g/viên	200 viên
8	Sulfamerazin	0,50 g/viên	200 viên
9	Cafêin	5 ml/ống	100 ống
10	Long não nước	5 ml/ống	100 ống
11	Vitamin B1	5 ml/ống	100 ống
12	Vitamin C	5 ml/ống	100 ống
13	Vitamin K	5 ml/ống	100 ống

TT	Thuốc và vật liệu	Quy cách	Số lượng cần
14	Atropin	5 ml/ống	50 ống
15	Pilocarpin	5 ml/ống	50 ống
16	Osêsol	25 g/gói	20 gói
17	Oxytoxin	5 ml/ống	20 ống
18	Hantox-spay	50 ml/lọ	10 lọ
19	Virkon	Gói	10 gói
20	Haniodin	50 ml/lọ	10 lọ
21	Levamisol	50 ml/lọ	4 lọ
22	Dertil B (Viên mẫu nâu nhạt) Trichlabendazol	300 mg/viên, lọ 30 viên	5 lọ
23	Cồn sát trùng	70 ^o	500ml
24	Bông thấm nước	Vô trùng	200 gam
25	Băng gạc	Vô trùng	20 cuộn

3. CÁCH QUẢN LÝ

a. Dụng cụ: Xem như tài sản giao cho thú y viên quản lý sử dụng. Thú y viên có bản ký nhận, cam kết sử dụng và bảo quản, mất phải bồi thường, do gia súc làm hư hỏng phải có chứng nhận của trưởng thôn.

b. Thuốc thú y: Được xem như vốn lưu động, giao cho cán bộ thú y sử dụng, có thu hồi tiền thuốc của các gia chủ có gia súc, gia cầm yêu cầu điều trị.

Khi thuốc hết, cán bộ thú y lấy tiền đã thu để mua thuốc bù vào số thuốc đã sử dụng.

Thuốc bị thất thoát, cán bộ thú y phải chịu trách nhiệm.

Trường hợp gia súc bị chết không thu hồi được tiền thuốc phải có xác nhận của chủ gia súc và trưởng thôn.

PHỤ LỤC

MỘT SỐ DẤU LIỆU VỀ SINH LÝ CỦA GIA SÚC GIA CẦM BÌNH THƯỜNG

1. NHIỆT ĐỘ CƠ THỂ CỦA GIA SÚC GIA CẦM KHỎE MẠNH (Đo ở hậu môn-trực tràng lúc con vật yên tĩnh)

Thân nhiệt bình thường của gia súc có sự thay đổi tùy thời gian trong ngày-buổi sáng thấp, buổi chiều cao hơn. Sau khi ăn, thân nhiệt tăng lên và kéo dài một vài giờ, nhưng giảm dần khi uống một lượng nước lớn. Trong thời kỳ động dục, chữa, nhiệt độ môi trường tăng, lúc làm việc,... cũng làm cho thân nhiệt tăng.

Loại gia súc	Nhiệt độ cơ thể (°C)	
Ngựa	Dưới 4 tuổi	37,5-38,5
	Trưởng thành	37,5-38,5
	Trên 5 tuổi	7,5-38,0
Lừa		37,5-38,5
La		38,8-39,0
Bò	Dưới 6 tuần tuổi	đến 40,5
	Từ 6 đến 9 tháng tuổi	38,8-40,0
	Trên 1 năm tuổi	38,5-39,5
Trâu		37,5-39,0
Lạc đà		35,0-38,6
Cừu	Dưới 1 năm tuổi	38,5-40,5
	Trên 1 năm tuổi	38,5-40,0
Dê	Dê non	38,5-41,0
	Trưởng thành	38,5-41,0

Loại gia súc	Nhiệt độ cơ thể (°C)	
Dê	Dê non	38,5-41,0
	Trưởng thành	38,5-41,0
Lợn	Lợn con	39,0-40,5
	Trưởng thành	38,0-40,0
Chó		37,5-39,0
Mèo		38,0-39,5
Thỏ		38,5-39,5
Chuột lang		37,8-39,5
Khỉ		37,5-38,5
Gà mái		40,5-43,0
Chim bồ câu		41,0-44,1
Gà tây		40,0-41,5
Vịt		40,7
Ngỗng, ngan		40,0-41,0

2. NHỊP TIM CỦA MỘT SỐ VẬT NUÔI VÀ THÚ HOANG DÃ (LẦN/PHÚT)

(Đo trong khi nghỉ ngơi và động vật hoàn toàn khỏe mạnh)

Loại gia súc	Nhịp tim/phút	
Ngựa	Sơ sinh	đến 128
	Đến 2 tuần tuổi	8-120
	Từ 3-6 tháng tuổi	64-76
	Từ 6-12 tháng tuổi	48-72
	Từ 1-2 năm tuổi	40-56
	Ngựa đực	28-32
	Ngựa thiến	33-39
	Ngựa cái	34-40
Lừa, la	Con	65-75
	Lớn	45-60
Trâu	Nghé	59
	Trâu	44-46
	Trâu chữa	63

Loại gia súc	Nhịp tim/phút	
Bò	Dưới 14 ngày	103-141
	3 tháng	99-108
	6 tháng	96
	1 năm	91
	Bò sữa	40-60
	Bò đực	45-72
Cừu	Dưới 1 năm	115
	1 năm	85-95
	Trưởng thành	55-80
Dê	Dưới 1 năm	100-120
	1 năm	80-100
	Trưởng thành	70-80
Lợn	Dưới 2 tuần	138
	1 năm	121
	Lợn nái	88-92
Chó	Con	110-120
	Chó giống nhỏ trưởng thành	80-90
	Chó giống lớn trưởng thành	70-80
Mèo	Nhỏ	130-140
	Lớn	100-120
Thỏ		120-150
Cáo		80-140
Chồn		108-300
Chó sói		125-175
Khỉ		60-70
Gà mái		Trung bình 312
Chim bồ câu		Trung bình 244

3. NHỊP THỞ CỦA MỘT SỐ GIA SÚC GIA CẦM.

Đo lúc con vật khoẻ mạnh, yên tĩnh và nhiệt độ môi trường trung bình 20-27°C.

Loại gia súc	Nhịp thở/phút
Ngựa non	14-15
Ngựa trưởng thành	9-10
Nghé	29
Trâu	19-27
Trâu chữa	35
Bò dưới 2 tuần tuổi	50-56
Bò khoảng 5 tuần tuổi	37
Bò	12-18
Cừu non	15-18
Cừu trưởng thành	9-15
Dê non	12-20
Dê trưởng thành	9-15
Lợn	8-18
Chó con	20-22
Chó trưởng thành	14-18
Mèo con	22-24
Mèo trưởng thành	17-23
Cáo	12-60
Thỏ	50-60
Gà	15-30
Ngỗng	12-20
Gà tây	12-16
Vịt	16-28
Bồ câu	20-40

MỤC LỤC

PHẦN I

BỆNH PHỔ BIẾN Ở GIA SÚC

BỆNH Ở TRÂU BÒ	5
Bệnh tụ huyết trùng	5
Bệnh nhiệt thán trâu bò	7
Bệnh lở mồm long móng trâu bò	10
Bệnh tiên mao trùng trâu bò	12
Bệnh sán lá gan trâu bò	14
Bệnh giun đũa bê nghé	16
BỆNH Ở NGỰA	21
Bệnh viêm phổi ở ngựa	21
Bệnh tụ huyết trùng ngựa	23
Bệnh tiên mao trùng ngựa	25
Bệnh đau bụng ngựa	28
Bệnh ở Dê cừu	31
Bệnh lở mồm long móng	31
Bệnh đậu ở dê, cừu	33
Bệnh viêm phổi ở dê, cừu	35
Bệnh sán dây ở dê	38

BỆNH Ở LỢN	41
Bệnh dịch tả lợn	41
Bệnh tụ huyết trùng lợn	43
Bệnh đóng dấu lợn	45
Bệnh phó thương hàn	48
Bệnh lợn nghê	50
Bệnh sán lá ruột lợn	52
BỆNH Ở CHÓ, MÈO	55
Bệnh dại ở chó, mèo	55
Bệnh sài sốt ở chó	59
Bệnh giun móc ở chó	62
Bệnh ghẻ bao lông ở chó	65
BỆNH Ở MÈO	69
Bệnh viêm phổi ở mèo	69
Bệnh giun đũa ở mèo	71
Hội chứng ngộ độc thuốc diệt chuột	73
BỆNH Ở GIA CẦM	75
Bệnh tụ huyết trùng gia cầm	75
Bệnh toi gà Niucatxon	77
Bệnh cúm gà	80
Bệnh giun đũa gà	82
Bệnh dịch tả vịt	84
Bệnh giun chỉ vịt	86

PHẦN II

KỸ THUẬT THỰC HÀNH

Cách cố định vật nuôi để tiêm	89
Xác định vị trí tiêm ở vật nuôi	90
Sử dụng một số dụng cụ thú y	92

PHẦN III

XÂY DỰNG TỦ THUỐC THÚ Y Ở THÔN BẢN

Một số dụng cụ thú y cần thiết.	97
Một số thuốc thú y cần thiết	98
Cách quản lý	99

PHỤ LỤC

MỘT SỐ DẪN LIỆU VỀ SINH LÝ CỦA GIA SÚC GIA CẦM BÌNH THƯỜNG

Nhiệt độ cơ thể của gia súc gia cầm khoẻ mạnh	100
Nhịp tim của một số vật nuôi và thú hoang dã	101
Nhịp thở của một số gia súc gia cầm.	103

Mã số: $\frac{5 - 150}{21 - 10}$

PGS. TS Phạm Sỹ Lăng
SỔ TAY ĐIỀU TRỊ MỘT SỐ BỆNH PHỔ BIẾN Ở VẬT NUÔI

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Nguyễn Đình Thiêm
Chịu trách nhiệm nội dung:
Tác giả
Trình bày, bìa:
Đình Hùng
Chế bản tại:
RPC

SÁCH ĐƯỢC PHÁT HÀNH TẠI:

Trung tâm NCXB Sách và Tạp chí (RPC)

25A/66 Thái Thịnh 2, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại/fax: 04. 5622324-0912. 357903

email: bicenter@hn.vnn.vn

VPĐD tại Tây Nguyên:

565 Lê Duẩn, Ban Mê Thuột, Đắklăk.

Điện thoại/fax: 050. 859051

VPĐD tại Trường Đại học Nông nghiệp 1:

14 Đường DHNN 1, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội.

Điện thoại: 04. 8767615

In 1.000 bản, khổ 14,5 x 20,5cm. tại Công ty Cổ phần in 15
Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 5 -1590/XB-QLXB.
do Cục Xuất bản cấp ngày 24/10/2004. In xong nộp lưu chiểu quý I.2005.

GIỚI THIỆU MỘT SỐ SÁCH CỦA TRUNG TÂM RPC ĐÃ XUẤT BẢN

Chăn nuôi vịt trên cạn - một KT mới	12.000
Hướng dẫn kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	18.000
KT chăn nuôi dê sữa và phòng chữa bệnh	13.000
KT chăn nuôi dê thịt và phòng chữa bệnh	13.000
Thuốc kháng sinh và nguyên tắc sử dụng trong chăn nuôi	75.000
Phòng và trị một số bệnh thường gặp ở GSGC	120.000
Bệnh thường gặp ở lợn và KT phòng trị T1: Bệnh truyền nhiễm	17.500
Bệnh thường gặp ở lợn và KT phòng trị T2: Bệnh nội khoa SS	14.000
KT nuôi và phòng trị bệnh cho thỏ ở nông hộ	15.000
KT nuôi ong nội địa dành cho người bắt đầu nuôi ong	<u>12.000</u> <u>12.000</u>

Giá: 13.000đ